



**OPC**



**ANNUAL REPORT 2018**



**BÁO CÁO 2018  
THƯỜNG NIÊN 18**



**OPC**

*Thiên Nhiên & Cuộc Sống*



## Sứ Mệnh

1. Cung cấp sản phẩm chất lượng cao, mang tính đột phá, đáp ứng nhu cầu chăm sóc & bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
2. Tạo ra những việc làm có ý nghĩa; giáo dục người lao động sự tôn trọng, yêu thương & trách nhiệm đối với cuộc sống, con người & xã hội.
3. Mang lại giá trị gia tăng & lợi ích thiết thực cho khách hàng, cổ đông & người lao động.
4. Góp phần nâng cao vị thế ngành y dược cổ truyền & công nghiệp dược Việt Nam.

## Tâm Nhìn

Trở thành tập đoàn dược phẩm vững mạnh tại Việt Nam, đồng hành với sự phát triển của cộng đồng.

## Lĩnh Vực Hoạt Động

- Trồng và chế biến dược liệu, sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc, trang thiết bị y tế, hóa chất, mỹ phẩm. Sản xuất, mua bán nước uống có cồn, nước uống có gaz...
- Sản xuất, Kinh doanh, chế biến, xuất nhập khẩu: Vị thuốc y học cổ truyền, Thuốc Đông y, Thuốc từ Dược liệu, Thuốc phiến, Thuốc có nguồn gốc từ thiên nhiên,...

## OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống

Trước những tác dụng phụ không mong muốn ngày càng phổ biến và đa dạng của tân dược, con người có xu hướng quay về với sản phẩm có nguồn gốc dược liệu thiên nhiên. OPC với dòng sản phẩm chủ lực dược bào chế từ thảo dược, trên nền tảng bài thuốc cổ truyền phương Đông được sử dụng và lưu truyền qua nhiều thế kỷ. Kết hợp với công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm tối ưu hóa chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý, thuận tiện trong sử dụng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng, sản phẩm OPC luôn mang hương vị, hơi thở thiên nhiên vào tâm hồn, cuộc sống hàng ngày của mọi người và bảo vệ thiên nhiên, hòa quyện với thiên nhiên.

# MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	6
THÔNG TIN CHUNG	8
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	9
QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN	10
CÁC DANH HIỆU THÀNH TÍCH	15
QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ	20
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	22
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	24
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	26
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT	27
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS	30
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	31
CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG	32
CÔNG TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	34
CÔNG TÁC GÓP VỐN ĐẦU TƯ	36
CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	38
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC	40
CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG	42
CÔNG TÁC XÃ HỘI	43
CÁC RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	44
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2019	46
KẾT LUẬN	47
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	48



## “ THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ”

Kính thưa quý vị!

Năm 2018 vừa qua, tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến đầy phức tạp: nội bộ Châu Âu chia rẽ; khủng hoảng, xung đột chính trị xảy ra nhiều nơi; chính sách tiền tệ phân hóa toàn cầu; giá dầu lên đỉnh xuống đáy bất thường; các cuộc trả đũa thương mại giữa các nền kinh tế lớn cùng xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ vẫn là tâm điểm được chú ý nhất. Thị trường chứng khoán toàn cầu đã phải chứng kiến nhiều phen chao đảo. Tại Việt Nam, đây là năm đầu tiên thị trường này suy giảm sau 5 năm liên tiếp trước đó luôn song hành với đà tăng trưởng đạt mức cao của nền kinh tế. Tuy nhiên, với mức tăng trưởng đạt 7,08%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra (6,7%) là kết quả đáng mừng đối với nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm, lạm phát được kiểm soát.

Tuy nhiên, trở lại ngành Dược Việt Nam nói riêng, năm qua lại là một năm không hề dễ dàng. Có đến 75% doanh nghiệp dược trong giai đoạn đầu năm đưa ra dự báo sẽ đạt trên 10% trong năm 2018. Thế nhưng, tính đến cuối năm, lần lượt nhiều công ty lớn trong ngành có công bố mức tăng trưởng không như kỳ vọng, biên lợi nhuận giảm... cho thấy một năm khó khăn chung của toàn ngành. Trong bối cảnh hiện nay, việc thực hiện để đạt các chỉ tiêu doanh thu - lợi nhuận theo kế hoạch đề ra đã là nhiệm vụ khó khăn chung cho các doanh nghiệp dược, hoàn thành vượt mức kế hoạch để đạt mức tăng trưởng như những năm gần đây là bài toán còn khó khăn hơn nhiều. Ngoài sự tăng vọt về chi phí bán hàng, thuế... thì nguyên liệu, dược liệu là thành phần chịu sự rủi ro cao về biến động nguồn cung và tỉ giá do phụ thuộc phần lớn từ nhập khẩu mà chủ yếu là Trung Quốc. Vừa qua hàng loạt nhà máy dược liệu, đặc biệt là sản xuất tá dược, tại Trung Quốc bị đóng cửa do các vấn đề về môi trường khiến giá nguyên liệu đầu vào tăng cao. Miếng bánh thị trường bán lẻ đang thu hút sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, trong khi thị trường ETC vẫn còn nhiều bất cập trong công tác đấu thầu thuốc khiến cho việc cạnh tranh về giá của những công ty có đầu tư chiều sâu về công nghệ gặp nhiều khó khăn.

OPC với những nỗ lực của mình, phát huy tính sáng tạo, cùng với việc nâng cao công tác quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, phát triển đồng bộ các giải pháp về con người - Khoa học kỹ thuật – sản phẩm và thị trường...đã hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh 2018 mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao phó, cụ thể doanh thu năm 2018 đạt 854,5 tỉ và lợi nhuận trước thuế là 117,7 tỉ; tăng nhẹ so với kế hoạch đề ra và vượt tương ứng 6,5% và 6,1% so với doanh thu và lợi nhuận năm 2017. Cổ tức chia cho cổ đông được duy trì ở mức 20% VĐL.

Kính thưa Quý vị, thị trường ngành Dược sẽ còn nhiều khó khăn và thách thức, mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng dự báo về sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước nói chung và OPC nói riêng cần phải nỗ lực hơn nữa để khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường.

Năm 2019, với khẩu hiệu hành động “OPC– Nỗ lực công hiến, sáng tạo thành công”, OPC quyết tâm hoàn thành các mục tiêu trình ĐHĐCĐ thông qua như sau:

- » Doanh thu: 875 tỷ đồng
- » LNTT: 120 tỷ đồng
- » Cổ tức: 20%

Với chiến lược và tầm nhìn đúng đắn, OPC mang niềm tự hào là Thương hiệu Quốc gia (Doanh nghiệp Dược duy nhất được giải thưởng 6 lần liên tiếp kể từ năm 2008) luôn quyết tâm giữ vững cam kết của mình nhằm cung cấp những sản phẩm uy tín, chất lượng với giá cả và dịch vụ khách hàng tốt nhất. OPC đang hướng đến tầm nhìn về một tương lai không xa - trở thành tập đoàn dược phẩm vững mạnh tại Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, Tôi trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý khách hàng, các nhà đầu tư, đối tác, các cơ quan ban ngành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng OPC trên con đường phát triển và thực hiện sứ mệnh của mình. Với những kết quả đạt được, chúng tôi tin tưởng rằng Quý vị sẽ tiếp tục gắn bó và đồng hành cùng sự phát triển bền vững của OPC.

Kính chúc Quý vị cùng gia quyến nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch HĐQT



**DS. Trịnh Xuân Vương**



Tên giao dịch:

- » Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**
- » Tên tiếng Anh: **OPC PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302560110 cấp ngày 25/3/2002, sửa đổi lần thứ 14 ngày 16/08/2016.

Vốn điều lệ: 265.772.800.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 265.772.800.000 đồng

Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-28) 37517111 - (84-28) 38754525

Số fax: ( 84-28) 38752048

Website: <http://www.opcpharma.com>

Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)

Mã cổ phiếu: OPC

*OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống*





Kinh doanh, gieo trồng, chế biến dược liệu;

Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, máy móc thiết bị y tế, hoá chất, mỹ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng, rượu và các loại nước uống có cồn, nước uống có gaz;

Sản xuất, Kinh doanh, chế biến, xuất nhập khẩu: Vị thuốc y học cổ truyền, Thuốc Đông y, Thuốc từ Dược liệu, Thuốc phấn, Thuốc có nguồn gốc từ thiên nhiên,...

Pha chế thuốc theo đơn;

Tư vấn, dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y dược;

Kinh doanh xuất nhập khẩu trong lĩnh vực y và dược;

Bán buôn cao su;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;

Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

# QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN

## THÀNH LẬP CÔNG TY



### 1977

Ngày 24/10/1977, Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 được thành lập theo quyết định số 1176/ BYT-QĐ của Bộ Y tế, trên cơ sở sáp nhập từ 8 viện bào chế tư nhân tại Sài Gòn trước đây.

### 2002

Xí nghiệp Dược phẩm TW26 - OPC thực hiện chuyển đổi sang mô hình cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, theo quyết định số 138/QĐ-TTG ngày 08/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ.



## NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG



Huân chương Lao động hạng I(1997), II(1983), III(1980); Anh Hùng lao động thời kỳ đổi mới (2000); Huân chương độc lập hạng III(2005).

### 1994

Đơn vị xuất khẩu mạnh nhất trong Tổng công ty Dược Việt Nam với kim ngạch đạt 1,4 triệu USD. Cao sao vàng và các sản phẩm OPC đã có mặt tại 15 nước trên thế giới.

### 1998

Lần đầu tiên giới thiệu dược phẩm viên trị sỏi thận Kim Tiền Thảo “Ông Già” tại thị trường Việt Nam. “Có Kim Tiền Thảo OPC trị sỏi thận là tôi yên tâm” đã trở thành một trong 10 sự kiện nổi bật nhất của Tổng công ty dược Việt Nam.

### 1999

Triển khai áp dụng GMP-ASEAN cho dây chuyền viên nang mềm đầu tiên tại VN.

### 2001

Ký kết hợp tác liên doanh giữa OPC và Công ty TNHH Phát triển khoa học kỹ thuật Y dược Kiện Kiều – Trung Quốc sản xuất thuốc trị sốt rét CV8®, CV Artecana® phục vụ chương trình phòng chống sốt rét quốc gia.

## NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG



### 2002

Xí nghiệp Dược phẩm TW26 - OPC thực hiện chuyển đổi sang mô hình cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, vốn điều lệ ban đầu 20 tỷ đồng. Ngày 19/3/2002, tiến hành Đại hội đại biểu cổ đông bầu Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2002-2006).

### 2005

Là một trong những đơn vị sản xuất thuốc đông dược đầu tiên được Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận đạt GMP – GLP – GSP và tổ chức DNV-UKAS Hà Lan cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2000.

### 2007

Là Doanh nghiệp sản xuất đông dược đầu tiên phát hành cổ phiếu ra công chúng (01/02/2007). Thành lập Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương vốn điều lệ 15 tỷ đồng.

### 2008

Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán OPC tại Sàn Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (30/10/2008).

Nhà máy sản xuất ethanol đầu tiên trên cả nước được cấp giấy chứng GMP-WHO.

Đạt Thương hiệu Quốc gia duy nhất ngành dược phẩm Việt Nam.

## NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG



### 2009

Khởi công xây dựng Nhà máy dược phẩm đạt GMP WHO tại Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương vào ngày 27/12/2009 với tổng vốn đầu tư hơn 200 tỉ đồng.

### 2010

Thành lập Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang, với chức năng chính: trồng và chế biến dược liệu.

### 2012

Nhà máy Dược phẩm OPC Bình Dương được Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP WHO số 86/GCN-QLD ngày 21/03/2012 và chính thức đi vào hoạt động.

### 2014

Ngày 09/07/2014, Nhà máy Dược OPC - Bắc Giang được Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận GMP-WHO tại Quyết định số 330/GCN-QLD.

### 2015

Ngày 30/06/2015, vùng trồng dược liệu Kim Tiền Thảo tại Bắc Giang được Cục Quản lý Y Dược Cổ truyền - Bộ Y Tế cấp Phiếu tiếp nhận Bản công bố Dược liệu Kim Tiền Thảo sản xuất theo GACP - WHO tại Quyết định số 02/YDCT-QLHN.

Ngôi sao thuốc Việt: Thương hiệu OPC cùng 03 sản phẩm Dầu Khuynh diệp, Kim Tiền Thảo & HoAstex (giải thưởng uy tín duy nhất trong ngành Dược Việt Nam).

## NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG



### 2016

Đầu tư mở rộng dây chuyền sơ chế chế biến dược liệu, vị thuốc YHCT đạt tiêu chuẩn GMP - WHO & chính thức tham gia thị trường thuốc YHCT (thuốc phiến).

Tháng 9/2016 OPC trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 (nắm giữ 58,14% VDL)

### 2017

Kỷ niệm 40 năm Ngày thành lập Công ty (24/10/1977 - 24/10/2017).

Đạt danh hiệu Doanh nghiệp phát triển bền vững trên 40 năm.

### 2018

Là Doanh nghiệp Dược duy nhất 6 lần liên tiếp đạt biểu trưng “Thương hiệu Quốc gia”.

Đạt giải thưởng Sao vàng Đất Việt 13 năm liên tiếp.

Hàng Việt Nam chất lượng cao 22 năm liền.



Thương hiệu Quốc gia (OPC là doanh nghiệp Dược duy nhất được nhận giải thưởng 06 lần liên tiếp kể từ năm 2008).

Giải thưởng Ngôi sao thuốc Việt

Sao Vàng Đất Việt 13 năm liền (2007 – 2019).

Hàng Việt Nam Chất lượng cao 22 năm liền (1998 – 2019).

Doanh nghiệp phát triển bền vững trên 40 năm

Top 10 Công ty Dược Việt Nam uy tín Việt Nam năm (2016 – 2018).

Top 100 Doanh nghiệp bền vững do VCCI và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam trao tặng.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) & Vietnamnet phối hợp tổ chức.

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập DN lớn nhất Việt Nam 7 năm liên tiếp (2010 - 2016).

Doanh nghiệp “Đã có nhiều thành tích trong công tác phát triển Y, Dược cổ truyền Việt Nam”.

Giấy khen của Cục Thuế TPHCM về Thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế - Cục Thuế TPHCM.

Giấy chứng nhận “Top 10 sản phẩm - dịch vụ Tin & Dùng năm 2018” do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.



## CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6,  
TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028.37517111 - 028.38756619  
Fax: 028.38752048  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô A1-42, A1-43 Đường số 10, Khu nhà ở Nam Long,  
P. Hưng Thạnh, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ  
Điện thoại: 0292.383.7999 - 0292.383.7799  
Fax: 0292.383.7788  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opccanθο@opcpharma.com](mailto:opccanθο@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH TIỀN GIANG

Địa chỉ: 297 Nguyễn Thị Thập, Phường 5, TP. Mỹ Tho,  
Tỉnh Tiền Giang  
Điện thoại: 0273.395.0999  
Fax: 0273.395.8899  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opctiengiang@opcpharma.com](mailto:opctiengiang@opcpharma.com)





## CHI NHÁNH MIỀN ĐÔNG

Địa chỉ: Số 09/ĐX04-TH, Tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vinh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương  
Điện thoại: 0274.363.2178  
Fax: 0274.363.2177  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opcmiendong@opcpharma.com](mailto:opcmiendong@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Địa chỉ: 38 Trương Văn Bang, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu  
Điện thoại: 0254.3832.364  
Fax: 0254.3832.364  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opczungtau@opcpharma.com](mailto:opczungtau@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH NHA TRANG

Địa chỉ: Lô OI-06 đường số 6, khu STH03A, khu đô thị mới Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.  
Điện thoại: 0258.246.5886  
Fax: 0258.246.5885  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opcnhatrang@opcpharma.com](mailto:opcnhatrang@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 612 Nguyễn Hữu Thọ, P.Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 0236.369.7888  
Fax: 0236.369.7973  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opcdanang@opcpharma.com](mailto:opcdanang@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH NGHỆ AN

Địa chỉ: 99B Nguyễn Thái Học, Phường Lê Lợi, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An  
Điện thoại: 0238.358.5239  
Fax: 0238.358.5238  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opcnghean@opcpharma.com](mailto:opcnghean@opcpharma.com)



## CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: 348 phố Ngô Quyền, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội  
Điện thoại: 024.3787.5336 - 024.3787.5337  
Fax: 024.3787.5338  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [opchanoi@opcpharma.com](mailto:opchanoi@opcpharma.com)



## NHÀ MÁY DƯỢC PHẨM OPC TẠI BÌNH DƯƠNG CÔNG TY TNHH MTV OPC BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 09/ĐX04-TH, Tổ 7, Ấp Tân Hóa, Xã Tân Vinh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương  
Điện thoại: 0274.363.2732  
Fax: 0274.363.2345  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC OPC - BẮC GIANG

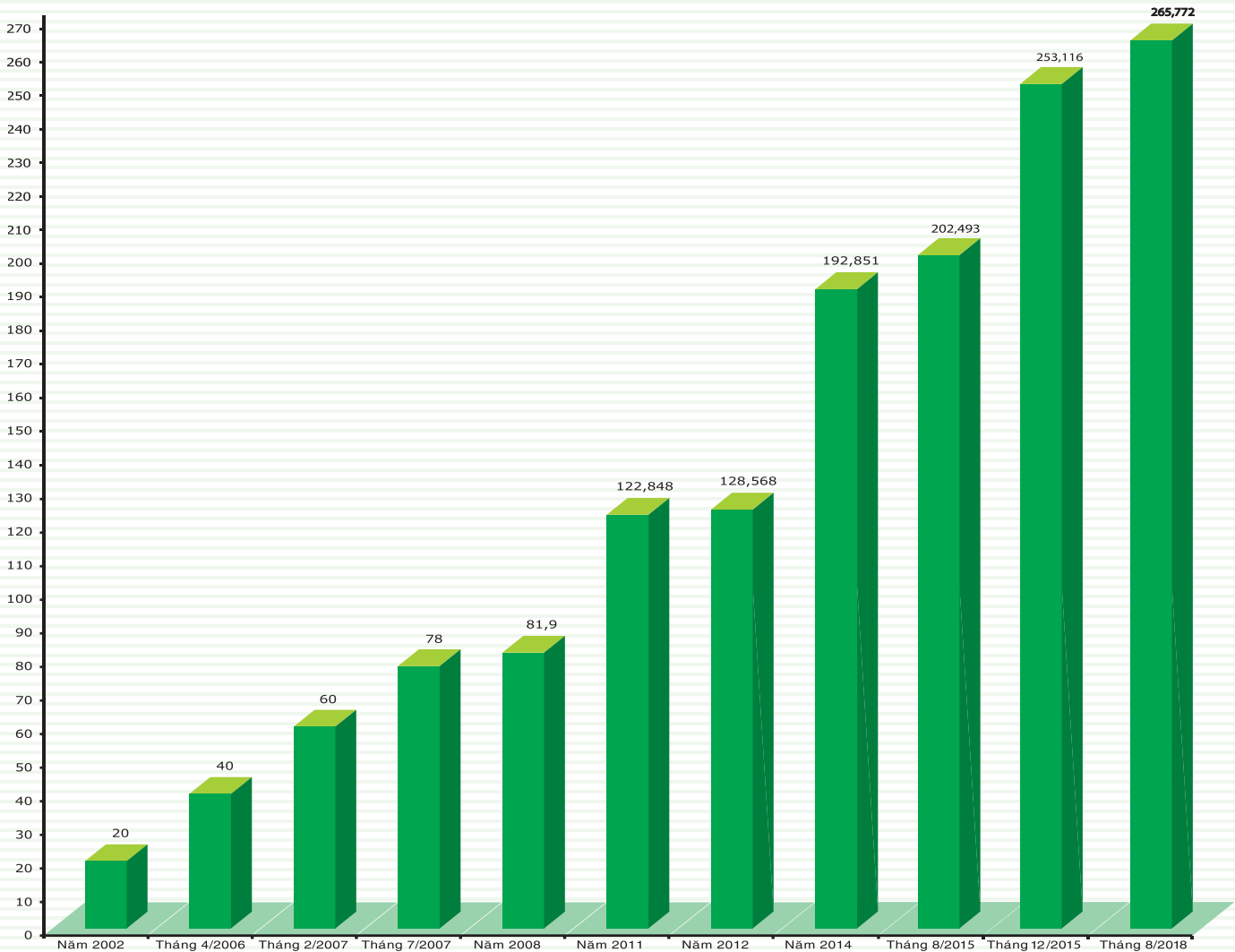
Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang  
Điện thoại: 0204.355.9494  
Fax: 0204.355.9494  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)



## VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TRUNG QUỐC

Địa chỉ: 7 -9 Jichang, Baiyong District, Guang zhou, China  
Website: [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)  
Email: [info@opcpharma.com](mailto:info@opcpharma.com)

## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ



- Năm 2002**      Vốn điều lệ ban đầu 20 tỷ đồng.
- Tháng 04/2006**      Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1, vốn điều lệ đã tăng lên 40 tỷ đồng.
- Tháng 02/2007**      Phát hành cổ phiếu ra công chúng bằng hình thức đấu giá đã tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng và đem lại nguồn vốn thặng dư là 109.629.836.238 đồng.
- Tháng 07/2007**      Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 30% cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 78 tỷ đồng.
- Tháng 01/2008**      Phát hành thêm cổ phiếu với tỉ lệ phân bổ quyền 20:1 bằng mệnh giá đã tăng vốn điều lệ lên 81,9 tỷ đồng.
- Tháng 10/2011**      Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 50% cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ 81,9 tỷ đồng lên 122,848 tỷ đồng.
- Tháng 08/2012**      Phát hành cổ phiếu cho người lao động là cán bộ chủ chốt (ESOP OPC 2012) đã tăng vốn điều lệ từ 122,848 tỷ đồng lên 128,568 tỷ đồng.
- Tháng 12/2014**      Phát hành cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 2:1 cho Cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ tăng từ 128,568 tỷ đồng lên 192,851 tỷ đồng.
- Tháng 08/2015**      Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn Người lao động của Công ty (ESOP OPC 2015) đã tăng vốn điều lệ từ 192,851 tỷ đồng lên 202,493 tỷ đồng.
- Tháng 12/2015**      Phát hành cổ phiếu ra công chúng theo tỉ lệ 4:1 cho cổ đông hiện hữu đã tăng vốn điều lệ từ 202,493 tỷ đồng lên 253,116 tỷ đồng.
- Tháng 08/2018**      Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn Người lao động của Công ty (ESOP OPC 2018) đã tăng vốn điều lệ từ 253,116 tỷ đồng lên 265,772 tỷ đồng.



*OPC - Thiên Nhiên & Cuộc Sống*



## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **Trịnh Xuân Vương** - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC  
Số cổ phần sở hữu: 3,009,003 CP, tỉ lệ 11.32 %.

Ông **Nguyễn Chí Linh** - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC  
Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC  
Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương  
Số cổ phần sở hữu: 3,412,492 CP, tỉ lệ 12.84 %.

Ông **Ngô Tân Long** - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC  
Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương  
Số cổ phần sở hữu: 205,052 CP, tỉ lệ 0.77 %.

Ông **Lê Minh Diễm** - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (Thành viên không điều hành)  
Số cổ phần sở hữu: 1,267,016 CP, tỉ lệ 4.77 %.

Ông **Trương Đức Vọng** - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (Thành viên không điều hành)  
Số cổ phần sở hữu: 586,096 CP, tỉ lệ 2.21 %.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông **Nguyễn Chí Linh** - Tổng giám đốc  
Sinh năm 1959 tại Hà Tĩnh, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp kỹ sư sinh hóa năm 1981. Hiện nay giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT OPC kể từ ngày 14/04/2011 và Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương kể từ ngày 21/04/2011.

Bà **Lê Thị Thúy Anh** - Phó Tổng giám đốc  
Sinh năm 1970 tại TP. Hồ Chí Minh, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp dược sĩ đại học năm 1995, thạc sĩ quản trị kinh doanh năm 2011. Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 12/11/2013.  
Số cổ phần sở hữu: 79,500 CP, tỉ lệ 0.30 %.

Ông **Hà Đức Cường** - Phó Tổng giám đốc  
Sinh năm 1970 tại Quảng Nam, dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam. Tốt nghiệp dược sĩ đại học năm 1995, thạc sĩ Dược 2009. Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 19/09/2016.  
Số cổ phần sở hữu: 68,000 CP, tỉ lệ 0.26 %.

### BAN KIỂM SOÁT

Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Trưởng Ban kiểm soát  
Giám đốc Quản trị Marketing  
Số cổ phần sở hữu: 972,555 CP, tỉ lệ 3.66 %.

Ông **Nguyễn Văn Tấn** - Thành viên Ban kiểm soát  
Giám đốc Tổ chức Lao động  
Số cổ phần sở hữu: 26,093 CP, tỉ lệ 0.10 %.

Ông **Lê Vũ Thuật** - Thành viên Ban kiểm soát  
Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương  
Số cổ phần sở hữu: 151,915 CP, tỉ lệ 0.57 %.

### KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông **Nguyễn Thế Đề**  
Số cổ phần sở hữu: 142,337 CP, tỉ lệ 0.54 %.

### NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Trưởng Ban kiểm soát  
Giám đốc Quản trị Marketing



**Ông Trịnh Xuân Vương**  
Chủ tịch HĐQT



**Ông Nguyễn Chí Linh**  
Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc



**Ông Lê Minh Điềm**  
Thành viên HĐQT



**Ông Trương Đức Vọng**  
Thành viên HĐQT



**Ông Ngô Tân Long**  
Thành viên HĐQT

**BAN KIỂM SOÁT**



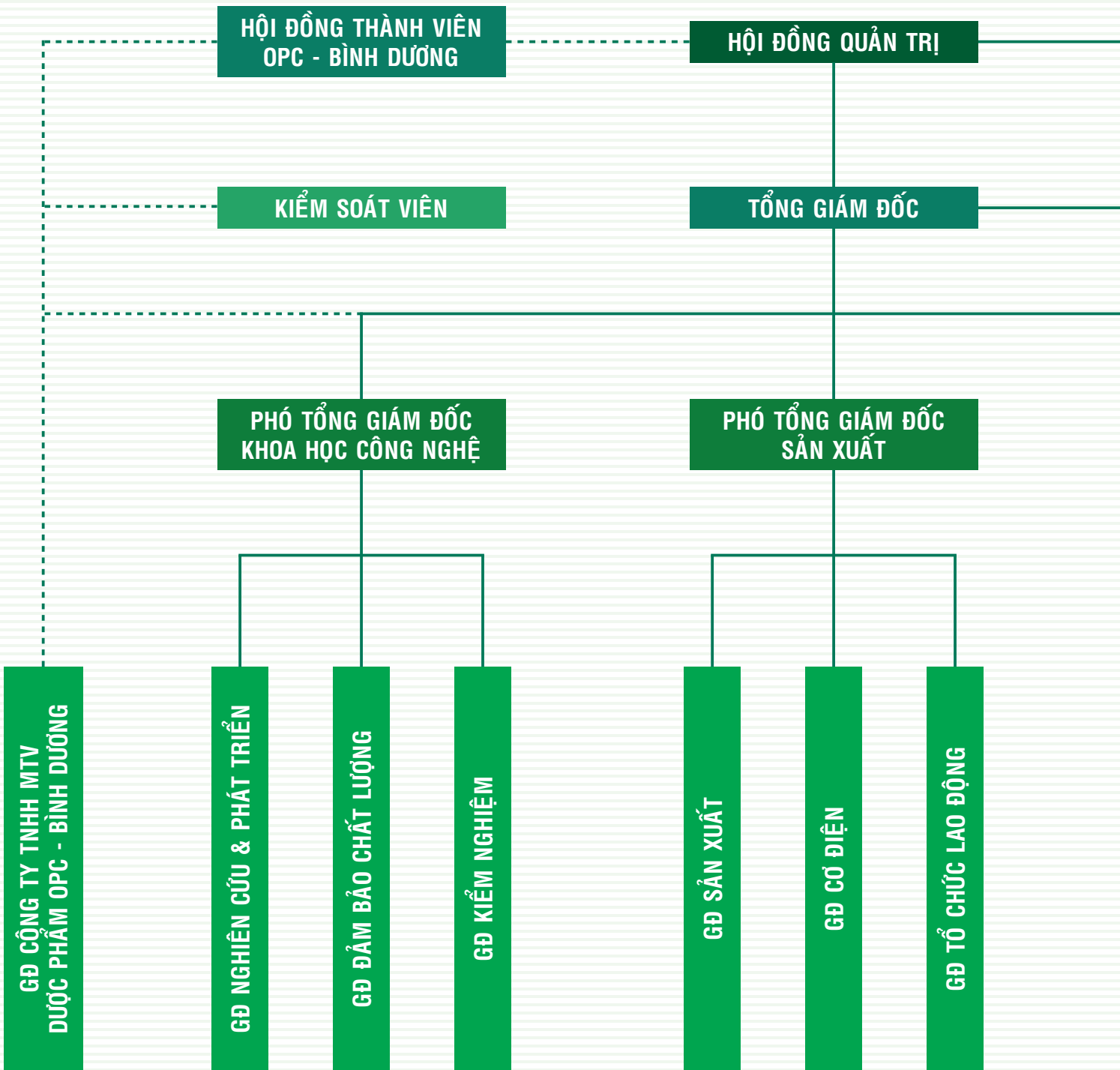
**Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**  
Trưởng Ban kiểm soát  
Người được ủy quyền Công bố thông tin



**Ông Nguyễn Văn Tấn**  
Thành viên Ban kiểm soát



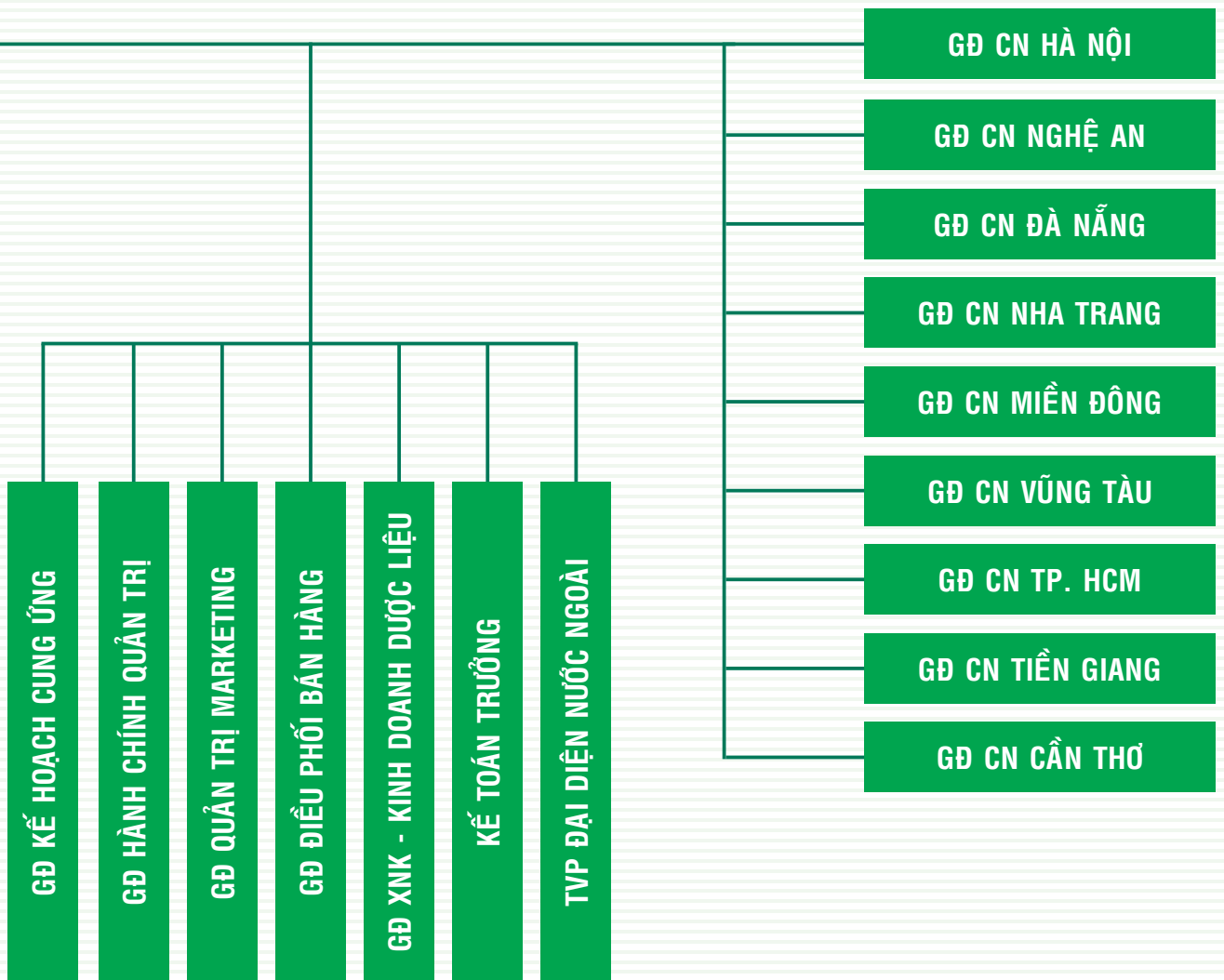
**Ông Lê Vũ Thuật**  
Thành viên Ban kiểm soát







**BAN KIỂM SOÁT**





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CẬP NHẬT THAY ĐỔI ĐẾN NGÀY 18/03/2019

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<b>Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên</b>	<b>13.399.745</b>	<b>50,42%</b>
	- Trong nước		
	+ Cổ đông là tổ chức		
	Tổng Công ty Dược Việt Nam - Cty Cổ phần	3.562.650	13,41%
	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	3.415.600	12,85%
	+ Cổ đông là cá nhân		
	Trịnh Xuân Vương	3.009.003	11,32%
	Nguyễn Chí Linh	3.412.492	12,84%
	- Nước ngoài		
	+ Cổ đông là tổ chức	0	0
+ Cổ đông là cá nhân	0	0	
2	<b>Cổ đông khác</b>	<b>13.177.535</b>	<b>49,58%</b>
	- Trong nước	11.074.781	41,67%
	- Nước ngoài	2.102.754	7,91%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>26.577.280</b>	<b>100%</b>



Năm 2018, Hội đồng quản trị (HDQT) đã thực hiện 4 kỳ họp định kỳ và ban hành 31 Nghị quyết. Các thành viên HDQT tham gia hầu hết các buổi họp, Chủ tịch HDQT và Tổng giám đốc luôn thông tin kịp thời các hoạt động của công ty đến các thành viên HDQT. Tất cả buổi họp Hội đồng quản trị đều có sự hiện diện của Ban kiểm soát.

Hàng quý trong các kỳ họp định kỳ, Hội đồng quản trị đều có những đánh giá sơ kết, phân tích tình hình hoạt động của công ty những mặt tích cực và hạn chế, qua đó luôn kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ.

HDQT đã tuân thủ các quy định của pháp luật & Điều lệ Công ty về tần suất họp cũng như các thủ tục pháp lý về cuộc họp HDQT.

### **THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Trên cơ sở chỉ đạo, quan tâm sát sao và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể CBCNV, tận dụng tốt nguồn nội lực của công ty và những điều kiện thuận lợi từ bên ngoài, Công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018 như sau: Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 là 854,5 tỉ đồng đạt 100,5% so với kế hoạch năm và vượt 6,5 % so với năm 2017. Lợi nhuận trước thuế 117,7 tỉ đồng, đạt 100,6 % so với kế hoạch năm và vượt 6,1 % so với năm 2017 (Số liệu này để so sánh với cùng kỳ 2017 và kế hoạch 2018, chưa tính bán sản phẩm Dược TW25 và chưa hợp nhất báo cáo tài chính với Dược TW25). Thu nhập bình quân của người lao động là 15,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,1 triệu đồng so với năm 2017. Nếu tính theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán (báo cáo hợp nhất với Công ty cổ phần dược phẩm TW25) thì doanh thu là 1.005,11 tỉ đồng và lợi nhuận là 130,25 tỉ đồng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 362/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2018 và Nghị quyết số 453/NQ-HĐQT, ngày 21/05/2018 Công ty đã chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ thực hiện 10% / cổ phiếu (01 Cổ phiếu được nhận 1000 đồng) kể từ ngày 08/06/2018.



Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 1089/NQ-HĐQT ngày 12/11/2018 về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ thực hiện 10% / cổ phiếu (01 Cổ phiếu được nhận 1000 đồng).

Hội đồng quản trị đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho Người lao động của Công ty năm 2018 ( ESOP OPC 2018) tăng mức vốn điều lệ từ 253.116.960.000 đồng lên 265.772.800.000 đồng. Đồng thời Hội đồng quản trị đã tiến hành sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

### **HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện triển khai các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), cơ cấu tổ chức, nhân sự quản lý phù hợp với Điều lệ, Quy chế, quy định hiện hành của Công ty và Pháp luật Nhà nước.

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty thông qua việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc nên việc báo cáo cung cấp thông tin về các hoạt động cho HĐQT được thuận lợi.

Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi nhất để Tổng giám đốc và Ban điều hành tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban hành mới/sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế, quy định nội bộ Công ty tạo cơ chế hoạt động thông suốt, hiệu quả ở từng lĩnh vực SXKD của Công ty.

Ban điều hành quán triệt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Những nhiệm vụ, mục tiêu trong hoạt động sản xuất kinh doanh được triển khai đồng bộ với các giải pháp cụ thể, sáng tạo đã vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 đề ra. Tiếp tục định hướng và chỉ đạo thực hiện chủ trương chính sách của Công ty trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục giữ vững và phát triển mạng lưới phân phối.

## THỰC HIỆN CÁC QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT & CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trong công tác quản lý, điều hành, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế quản trị công ty, các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Các quy chế ban hành đã từng bước nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, tăng cường sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

## THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC qui định thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hoạch toán vào chi phí kinh doanh với mức trích không quá 5% lợi nhuận sau thuế như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế(LNST) được phân phối năm 2018	98.144.989.961
2	Thù lao HĐQT được trích theo quy định của Điều lệ 5%	4.907.249.000
3	Thù lao HĐQT & BKS trong năm 2018	4.639.555.550
4	Tỷ lệ % thù lao / LNST	4.73%

## PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019.

Tiếp tục đầu tư công nghệ và hoàn thiện quy trình sản xuất theo quy định GPs và hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.

Xây dựng và hoàn thiện những định hướng về chính sách nhân sự, chế độ lương thưởng và các phụ cấp để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Đẩy mạnh công tác giám sát quản trị chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên công ty.

Tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng qui mô, mở rộng thị trường của hệ thống phân phối, như: Xây dựng cơ sở mới Chi nhánh Cần Thơ, mở rộng Xưởng sản xuất tại Nhà máy Dược phẩm OPC Bình Dương.

**T**rong năm 2018, Ban Kiểm Soát đã có 5 cuộc họp. Các thành viên đã tham dự đầy đủ, nội dung các cuộc họp bao gồm báo cáo công việc được phân công và trao đổi thông tin để nắm bắt tình hình quản trị, điều hành của Công ty.

Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Công ty năm 2018 đối với các lĩnh vực như sau:

- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, pháp luật trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2018.
- Ban Kiểm soát tham gia trong tất cả các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Kiểm soát việc thực hiện các quy trình đầu tư, mua sắm và thanh lý tài sản.
- Đưa ra những kiến nghị với HĐQT và BTGD về chính sách sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách thị trường,... Đánh giá hiệu quả kinh doanh và chương trình bán hàng của công ty.
- Tham gia công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động các Chi nhánh của Công ty, nhằm tăng cường công tác quản lý của Công ty đối với các đơn vị này.
- Tham gia cùng HĐQT trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường.

### **NHẬN XÉT KẾT LUẬN:**

Trong năm 2018, Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành Công ty đã thực hiện được các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như: chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, chi trả cổ tức. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT và BDH trong năm là phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **KIẾN NGHỊ:**

Đề nghị HĐQT và BDH tiếp tục đầu tư, mở rộng hệ thống phân phối, đầu tư chi phí nghiên cứu phát triển thị trường và sản phẩm, nhằm đạt chỉ tiêu Doanh thu và Lợi nhuận, củng cố vị thế OPC trong ngành Dược phẩm Việt Nam.

Công ty cần có những bước chuẩn bị thích hợp để triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ vừa được Chính phủ ban hành ngày 22/1/2019, có hiệu lực từ ngày 1/4/2019 và thời gian 24 tháng chuẩn bị.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018



Chỉ tiêu	NĂM 2017	NĂM 2018 (*)				BCTC HỢP NHẤT 2018 (**)
	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch	% Thực hiện so với 2017	
Doanh thu (tỷ đồng)	802,5	850	854,536	100,5%	106,5%	1.005,11
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	111,0	117	117,731	100,6%	106,1%	130,25
Cổ tức (%)	20%	20%	Ước 20%	100%	100%	
Thu nhập bình quân tháng (triệu đ/ người)	14,1		15,2		107,8%	

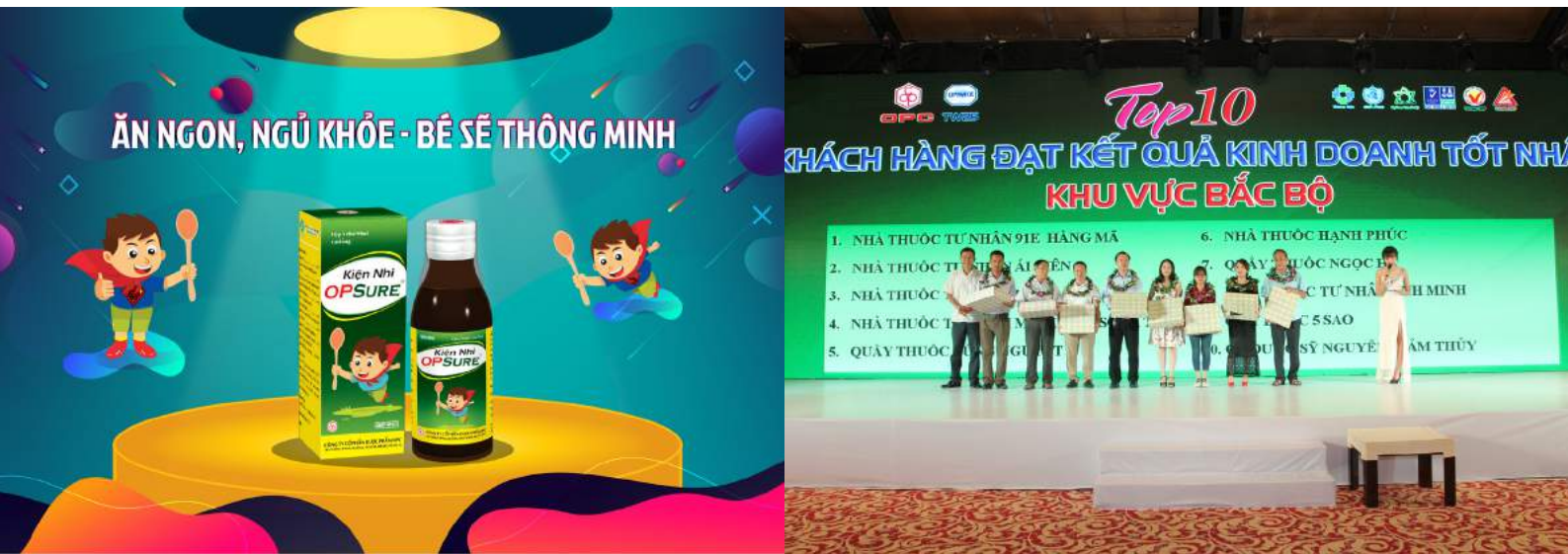
(\*) Số liệu không tính việc bán sản phẩm của Dược phẩm TW 25 và chưa hợp nhất báo cáo với Công ty CP Dược phẩm TW25 để so sánh với kế hoạch 2018 và sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2017.

Theo đó, thực hiện doanh thu và LNTT năm 2018 vượt nhẹ so với kế hoạch đề ra. So với năm 2017, OPC vẫn duy trì được mức tăng trưởng bình quân năm 6-7% theo kế hoạch chung.

Thu nhập bình quân 15,2 triệu đồng/người/tháng; tăng 1,1 triệu đồng so với cùng kỳ. Đảm bảo mức sống ổn định cho NLD, đồng hành gắn bó cùng Công ty.

Cổ tức trình ĐH thông qua là 20% VDL, đã chi trả đợt 1 là 10%, dự kiến chi trả đợt 2 là 10% trong quý 2/2019.

(\*\*) Kết quả báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán (đã hợp nhất với BCTC Công ty CP Dược TW25).



OPC vẫn tập trung chính vào thị trường nội địa, hoàn thiện dần hệ thống phân phối đến các tuyến huyện - xã của thị trường trọng điểm ở miền Tây, Đông Nam bộ, miền Trung, đẩy mạnh phát triển khu vực cao nguyên và miền Bắc. Tiếp tục phát triển thị trường xuất khẩu truyền thống và tích cực đẩy mạnh ở một số thị trường mới ở Nigeria, Campuchia, Lào, Singapore.....

Đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển của các chi nhánh, mở rộng hệ thống phân phối đưa sản phẩm OPC ngày càng thâm nhập sâu rộng hơn đến các tỉnh thành trên cả nước, vùng sâu vùng xa... Trong năm 2018, OPC tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các chi nhánh cụ thể: Đưa vào hoạt động cơ sở mới Chi nhánh Nha Trang tại Khu đô thị mới Lê Hồng Phong II, TP Nha Trang với tổng đầu tư 24,2 tỉ đồng; Mua đất và đầu tư xây dựng cơ sở mới cho Chi nhánh Cần Thơ tại Quận Ninh Kiều với tổng đầu tư ước khoảng 33 tỉ đồng.

Năm 2018, OPC đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác kinh doanh. Đầu tư thiết bị và phát triển chương trình phần mềm bán hàng Bravo phục vụ cho công tác quản lý và bán hàng tại các chi nhánh. Giai đoạn 1 đã thực hiện tại 2 chi nhánh Cần Thơ và Hồ Chí Minh với tổng mức đầu tư trang thiết bị trên 500 triệu đồng.

Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối OTC đồng thời tập trung phát triển thị trường ETC: hệ thống các bệnh viện công lập và tư nhân, các phòng khám đa khoa, chuyên khoa, phòng khám đông y,... trên cả nước góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thị phần và nâng cao thương hiệu OPC.

Thị trường thuốc YHCT vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập từ nguồn cung dược liệu đầu vào đến công tác đấu thầu và đánh giá chất lượng... Nhưng sau gần 3 năm chính thức tham gia thị trường này, OPC đã từng bước cải tiến qui trình, chất lượng, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Năm 2018, OPC đạt doanh thu mặt hàng này là 41 tỉ đồng (tăng 17% so với 2017) với sản lượng trên 100 tấn. (Sản lượng trúng thầu năm 2018 là 144 tấn, tương đương 49 tỉ đồng).

Năm 2018, OPC tiếp tục thực hiện việc phân phối sản phẩm của Công ty CP Dược phẩm TW 25. Tuy nhiên, trước những khó khăn còn tồn tại, thị trường còn nhiều rủi ro và cạnh tranh khốc liệt, kết quả phân phối mặt hàng này đến cuối năm không đạt như kỳ vọng (doanh thu 136 tỉ đạt 86% kế hoạch). Ban lãnh đạo OPC và TW25 đã thống nhất phương án bàn giao lại công tác phân phối sản phẩm này về TW25 chính thức từ tháng 1/2019, OPC tiếp tục phối



hợp, hỗ trợ về điều kiện hạ tầng cùng các yếu tố thuận lợi trên cơ sở mạng lưới phân phối OPC hiện có nhằm phát triển hệ thống phân phối sản phẩm TW25.

Những hoạt động xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu được duy trì, uy tín sản phẩm OPC ngày càng khẳng định trên thị trường. Thông điệp về tầm nhìn và sứ mệnh của OPC luôn được truyền tải nhất quán đến khách hàng. Các hội nghị tri ân khách hàng, tham gia các triển lãm chuyên ngành, chuỗi hội chợ HVNCLC, hội chợ Vietnam Expo và tài trợ nhiều cuộc hội nghị khoa học - hội thảo tại nhiều bệnh viện; hoạt động hội thao, PR, tài trợ và nhiều hoạt động marketing khác.

Hiện nay OPC có 9 chi nhánh với hơn 500 nhân viên bán hàng phủ đến tuyến huyện của các tỉnh thành trong cả nước. Đội ngũ bán hàng được đào tạo chuyên nghiệp; Công ty hiện nay với hơn 20.000 khách hàng, bao gồm các Nhà thuốc, Công ty dược, cơ sở điều trị (bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám đa khoa, bệnh xá, trạm xá, phòng chẩn trị, phòng mạch,...).

Cùng với sự phát triển của Công ty, công tác phát triển thị trường và hoạt động xây dựng thương hiệu luôn được duy trì và đã đạt được một số những thành tựu nổi bật như:

- Thương hiệu Quốc gia (OPC là doanh nghiệp Dược duy nhất được nhận giải thưởng 06 lần liên tiếp kể từ năm 2008).
- Giải thưởng Ngôi sao thuốc Việt
- Sao Vàng Đất Việt 13 năm liền (2007 - 2019).
- Hàng Việt Nam Chất lượng cao 22 năm liền (1998 - 2019).
- Doanh nghiệp phát triển bền vững trên 40 năm
- Top 10 Công ty Dược Việt Nam uy tín Việt Nam năm (2016 - 2018).
- Top 100 Doanh nghiệp bền vững do VCCI và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam trao tặng.
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) & Vietnamnet phối hợp tổ chức.
- Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập DN lớn nhất Việt Nam 7 năm liên tiếp (2010 - 2016).
- Và nhiều danh hiệu khác...



Công tác nghiên cứu sản phẩm mới, ngoài việc tiếp tục hoàn tất các đề tài nghiên cứu sản phẩm mới cấp cơ sở đang triển khai, tiếp tục triển khai các hồ sơ sản phẩm liên quan đến thuốc phiến (hồ sơ đăng ký, hồ sơ thầu,...). Năm 2018, đã nghiệm thu 34 đề tài nghiên cứu Sản phẩm mới cấp cơ sở và đã nộp hồ sơ đăng ký tại Cục Quản lý Dược, trong đó bao gồm thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và vị thuốc y học cổ truyền.

Duy trì hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng trong nghiên cứu, sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các giấy chứng nhận liên quan đến tổ chức hoạt động nghiên cứu, sản xuất kinh doanh theo quy định của quản lý Nhà nước như: duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo GMP-WHO, GLP, GSP; được tái chứng nhận GMP-WHO vào tháng 12/2018; tái đánh giá cấp giấy chứng nhận ISO theo phiên bản ISO 9001:2015 vào tháng 10/2018; Ngoài ra, hoàn thành hồ sơ xin cấp mới và tái cấp các chứng nhận GDP, GPP, chứng nhận đủ điều kiện SXKD của Nhà máy, chứng nhận Sản xuất VSATTP,...

Tiếp tục ổn định nguồn cung cấp dược liệu đầu vào. Ngoài Kim tiền thảo đã đạt tiêu chuẩn GACP nhiều năm nay, năm 2018 đã triển khai thêm vùng trồng đạt tiêu chuẩn GACP cho dược liệu Ích mẫu. Tiếp tục hợp tác với các công ty trồng trọt tiến hành trồng trọt và thu hái dược liệu theo tiêu chí VietGap, trước mắt là các dược liệu chủ yếu.

Tiếp tục theo dõi bổ sung hồ sơ cấp số đăng ký cho sản phẩm từ đề tài cấp Bộ Y tế “Thuốc trị rối loạn Lipid máu RUVINTAT” có nguồn gốc thảo dược.

Việc đầu tư công nghệ mới tại nhà máy OPC Bình Dương, tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần tăng năng suất lao động, hợp lý hoá quy trình sản xuất tại các dây chuyền, giảm giá thành sản phẩm và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường. Ngoài các hệ thống thiết bị dược đầu tư đã phát huy hiệu quả như: Hệ thống chiết chai tự động thuốc nước bao gồm (chiết chai, xiết nắp, dán nhãn, xếp toa và vô hộp tự động), máy rửa chai tự động, máy đóng gói hút chân không thuốc phiến, máy sao dược liệu, máy đóng túi thuốc bột sủi, máy vô hộp tự động, máy đóng nang, máy dập viên, nồi hấp sấy tiệt trùng, hệ thống cô song hiệu, tủ sấy hơi nước 2 mặt cửa ... Năm 2018, OPC tiếp tục đầu tư, cải tiến máy móc thiết bị cho các dây chuyền đã nâng cao công suất và hiệu quả hoạt động như: máy vô hộp tự động, máy đóng nang, thùng Inox cánh khuấy 2500L, máy đóng gói cốm bột, máy đóng gói thuốc nước ...



# OPC

*Thiên Nhiên & Cuộc Sống*



OPC đã đầu tư mở rộng thêm diện tích 2,2 ha đất tại Nhà Máy OPC Bình Dương, tổ chức quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm định hướng tương lai cho việc mở rộng quy mô sản xuất, phát triển chức năng....tổng đầu tư đến giai đoạn hiện nay khoảng hơn 25 tỉ đồng (mua đất 22, 679 tỉ)

Tính đến 31/12/2018, OPC được Bộ Y Tế cấp phép sản xuất và lưu hành toàn quốc 129 sản phẩm các loại, 144 thuốc phiến, trong đó có 17 số đăng ký sản phẩm xuất khẩu nước ngoài: Lào, Nigeria, Moldova, Myanmar,...

Đến cùng thời điểm, OPC đã được Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp hơn 300 văn bằng độc quyền trong nước bao gồm: tên nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hình, Logo Công ty, biểu tượng, slogan, bản quyền tác giả,...; bên cạnh đó, Logo OPC đã được bảo hộ độc quyền 24 quốc gia trên thế giới (Nhật, Nga, Ba Lan, Latvia, Turkmenistan, Singapore, Thái Lan...).



### Thực hiện các dự án

Tháng 02/2018, Công ty đã đưa vào hoạt động công trình chi nhánh Nha Trang tại khu đô thị mới Lê Hồng Phong, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang trên khuôn viên diện tích 670 m<sup>2</sup>.

Nhằm mở rộng và phát triển chi nhánh Cần Thơ, Công ty đã đầu tư mua lô đất tọa lạc tại Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với diện tích 1.349,3 m<sup>2</sup> (mua đất 16,28 tỉ đồng) và đã được đưa vào xây dựng từ cuối tháng 12 năm 2018.

Công ty đã đầu tư mua lô đất mở rộng nhà máy sản xuất hiện hữu tại xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương với diện tích 22.076,8 m<sup>2</sup>, số tiền đầu tư là 22,679 tỉ đồng (năm 2017). Lô đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ được xây dựng trong năm 2019.

Thực hiện Nghị quyết số 362/NQ - ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018 và được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã phát hành thêm 1.265.584 cổ phần với giá bán 15.000d/cổ phần cho người lao động theo Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn người lao động trong Công ty (gọi tắt là "ESOP") và thu được 18.983.760.000 đồng (trong đó điều chỉnh tăng vốn điều lệ 12.655.840.000 đồng và thặng dư là 6.327.920.000 đồng).

### Đầu tư tài chính:

- ◆ Góp vốn đầu tư vào công ty con:

Tính đến 31/12/2018, tổng vốn đầu tư vào công ty con là 107.760.000.000 đồng. Trong năm công ty không phát sinh mới đầu tư vào công ty con. Trong đó:

STT	Tên cổ phiếu/ Chứng chỉ quỹ	Tỉ lệ (Góp vốn)	Trị giá (đồng)
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm OPC Bình Dương	100%	15.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	58,14%	92.760.000.000

♦ Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết:

Năm 2018, công ty không phát sinh đầu tư vào công ty liên kết, hiện tại công ty chỉ có một công ty liên kết là Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC Bắc Giang. Tính đến 31/12/2018, vốn đầu tư vào công ty liên kết là 12.000.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC Bắc Giang.

♦ Đầu tư dài hạn khác:

Tính đến 31/12/2018, đầu tư dài hạn khác không có biến động. Trong đó:

STT	Tên cổ phiếu/ Chứng chỉ quỹ	Số lượng (CP/CCQ)	Trị giá (đồng)
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidipha	180.000	4.070.000.000
2	Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	225.000	2.750.000.000
3	Công ty Cổ phần Bao bì Dược	145.000	1.950.000.000
4	Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000
5	Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	10.500	1.140.000.000
6	Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	10.000	100.000.000
Tổng cộng			11.260.000.000





Hoàn thành tốt công tác quyết toán, kiểm toán năm số liệu 2018 phục vụ kịp thời cho Đại hội cổ đông thường niên 2019.

Quản lý và sử dụng nguồn vốn hợp lý, đáp ứng kịp thời về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh & đầu tư, tiết kiệm chi phí lãi vay và trả vốn vay; thực hiện chi trả cổ tức đợt 1/2018 (10%) kịp thời theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, cung cấp kịp thời cho đầu tư xây dựng hoàn thiện Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Nha Trang đồng thời chuẩn bị vốn để xây dựng chi nhánh Cần Thơ.

Đã thực hiện kiểm tra quyết toán thuế đến hết năm 2016.

Quản lý chặt chẽ tài sản đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính.

Báo cáo tài chính được thực hiện đúng nội dung và quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

Phân tích & đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, đưa ra những quyết sách kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đội ngũ kế toán luôn được nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, nắm bắt kịp thời các chính sách, quy định trong công tác tài chính kế toán.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.062.632.720.000	1.189.393.807.996	112%
Doanh thu thuần	944.850.008.428	1.002.477.640.022	106%
LN từ hoạt động kinh doanh	113.167.060.166	115.770.369.482	102%
LN khác	216.805.469	14.475.673.419	66,77%
LN trước thuế	113.383.865.635	130.246.042.901	115%
LN sau thuế	87.417.909.171	100.762.072.264	115%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	20	20	100%

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,24	1,24	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,60	0,46	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,46	0,47	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,86	0,90	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ	1,82	1,52	
DTT/ Tổng tài sản	0,89	0,84	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số LNST/ DTT	0,09	0,10	
+ Hệ số LNST/ Vốn CSH	0,15	0,16	
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	0,08	0,08	
+ Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	0,12	0,12	

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2018 là 1.189 tỉ đồng, tăng 126 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 89 tỉ đồng, tài sản ngắn hạn tăng 37 tỉ đồng. Tài sản ngắn hạn tăng do qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh tăng. Đồng thời công ty chủ động nhập khẩu dự trữ các nguyên vật liệu chủ lực nhằm đảm bảo an toàn cho sản xuất hàng hóa, cung ứng kịp thời cho thị trường & hạn chế rủi ro biến động giá. Tài sản dài hạn tăng 37 tỉ tương đương 8,1% so với cuối năm 2017 phù hợp với qui mô hoạt động và doanh thu tăng.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2018 là 563 tỉ đồng, tăng 71 tỉ đồng so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó nợ dài hạn biến đổi không đáng kể, chủ yếu là nợ ngắn hạn tăng do người mua ứng trước cho công ty con (Dược phẩm TW25) để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đất 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1. Các khoản nợ phải trả của Công ty đến 31/12/2017 đều có khả năng thanh toán.

# CÔNG TÁC TỔ CHỨC, ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC & CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG



Tại thời điểm 31/12/2018, tổng số lao động Công ty là 881 người, cơ cấu so với năm 2017 như sau: (OPC mẹ + OPC Bình Dương).

Cơ cấu lao động	Năm 2018	Năm 2017	Tỷ lệ %
1. Đại học và sau đại học	249	236	105,5%
2. Cao đẳng và THCN	385	387	99,5%
3. Công nhân kỹ thuật	247	254	97,2%
Tổng cộng	881	877	100,5 %

Cùng với việc thực thi chính sách địa phương hóa nguồn lao động giản đơn, Công ty đã tiếp tục duy trì các chính sách nhằm hỗ trợ kịp thời, động viên người lao động tiếp tục đồng hành với Công ty làm việc ổn định tại nhà máy Bình Dương.

Các chế độ, chính sách khác liên quan đến người lao động được duy trì, tuân thủ theo quy định của luật pháp và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết giữa Công đoàn và người sử dụng lao động.

Các chính sách, chế độ đối với người lao động như lương, bảo hiểm... được duy trì và cập nhật thường xuyên nhằm đảm bảo quyền lợi và chăm lo đời sống cho NLD, thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV tại Trung tâm Y khoa Hòa Hảo – TP. HCM; tổ chức du lịch nghỉ mát; các loại tiền thưởng (thưởng hoàn thành kế hoạch, lễ, tết,...) được chi trả kịp thời nhằm động viên tinh thần làm việc, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người lao động.





Hàng năm Công ty phát động các phong trào thi đua trong hoạt động sản xuất kinh doanh như Cúp Vàng kinh doanh OPC, cúp Kim cương kinh doanh OPC, các danh hiệu Chiến sĩ thi đua, lao động tiến tiến... nhằm nâng cao hiệu quả, phát huy tinh thần hăng say, sáng tạo trong công việc của toàn thể Công nhân viên Công ty.

Phong trào sáng kiến – ý tưởng mới phát triển mạnh, đã góp phần hợp lý hóa quy trình sản xuất, cải tiến trong nghiệp vụ, tăng cường tiết kiệm trong lao động, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế. Tổng cộng có 15 sáng kiến – ý tưởng mới và 7 công trình thanh niên được Hội đồng KTKT công nhận với tổng mức thưởng là 202 triệu đồng.

Trong lĩnh vực huấn luyện, đào tạo: Công ty luôn quan tâm đến việc cập nhật kiến thức và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, năm 2018 có 82 lớp học được tổ chức với 1482 lượt người tham gia. Nội dung đào tạo gồm nhiều lĩnh vực: GPs, GMP PIC/S, ISO 9001:2015, An toàn lao động – Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy, Huấn luyện vận hành máy móc thiết bị, Các nghiệp vụ kiểm nghiệm, Sản phẩm mới, Tập huấn chuyên đề về tài chính kế toán, Tập huấn thông tư số 11/2018/TT-BYT và các văn bản về quản lý chất lượng thuốc, Sử dụng KPI trong đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên, Kỹ năng quản lý bán hàng, chăm sóc khách hàng .... Ngoài ra, công ty cũng đã tiếp nhận thực tập, huấn luyện đào tạo cho sinh viên từ Trung cấp, Đại học gửi đến tham quan và học tập.



### CÁC CHỨNG CHỈ ĐƯỢC CẤP:

» Sở chủ nguồn chất thải nguy hại do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp lần đầu ngày 10/01/2012, mã số quản lý 74.001803.T., thay cấp lần 3 ngày 10/11/2017.

» Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường số 62/QĐ – STNMT ngày 17/01/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp cho Nhà máy Dược phẩm OPC, công suất 5.000 tấn/năm.

» Công văn số 3265/GXN - STNMT ngày 30/09/2013 của Sở Tài nguyên và

Môi trường Bình Dương về việc xác nhận hoàn thành thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết cho Nhà máy Dược phẩm OPC công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm.

» Công văn số 3765/S.TNMT-TNN&KS ngày 11/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cho phép xả nước thải sau xử lý vào hồ sinh học tự thấm tại Nhà máy.

» Quyết định số 2703/QĐ – UBND của UBND tỉnh Bình Dương ngày 27/09/2018 v/v Công ty cổ phần Dược phẩm OPC một trong 66 doanh nghiệp được công nhận Sách Xanh tỉnh Bình Dương năm 2018.

### TIÊU THỤ NƯỚC

Khối lượng nước tiêu thụ tại Nhà máy năm 2018 tương đương khoảng 66 ngàn m<sup>3</sup>.

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng chi phí nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói tiêu thụ sản phẩm năm 2018 là 491 tỉ đồng.

Tỉ lệ nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chủ yếu là cồn thu hồi chiếm khoảng 2% tổng chi phí nguyên vật liệu dùng trong năm.

### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp chủ yếu là điện và hơi. Năm 2018, khối lượng điện tiêu thụ tại nhà máy là 2.968.400 kw điện tương đương 5,8 tỉ đồng. Hơi sử dụng để sản xuất thuê ngoài năm 2018 là 3,9 tỉ đồng.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Không có vi phạm và bị xử phạt liên quan đến môi trường.



Trong năm 2018, nhiều hoạt động xã hội được Công ty và CBCNV quan tâm, hưởng ứng như: phối hợp cùng Hội chữ thập đỏ Quận 6 tổ chức ngày hội hiến máu nhân đạo với chủ đề “Một giọt máu - triệu tấm lòng” lần 2 thu hút được sự tham gia của hơn 60 CBCNV. Quyên góp ủng hộ chương trình “Hương về đồng bào miền Trung”, “Xuân yêu thương”, quỹ người nghèo Quận 6, quỹ đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ gia đình thương binh; tặng quà & chúc tết gia đình khó khăn, tổ chức họp mặt truyền thống, khám chữa bệnh từ thiện, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi,.... với tổng số tiền đóng góp là 950 triệu đồng.





### QUẢN LÝ RỦI RO LÃI SUẤT

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

### QUẢN LÝ RỦI RO VỀ GIÁ HÀNG HÓA

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính; ngoài ra việc hợp tác phát triển các vùng trồng dược liệu tại khu vực Bắc, Trung, Nam tùy theo điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu... đã giúp Công ty ổn định được nguồn cung dược liệu đặc biệt với những loại dược liệu chính yếu.

### RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Thị trường trong nước: các mặt hàng dược phẩm trong nước hiện nay có sự cạnh tranh về mặt bằng giá làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất dược nước ngoài và trong nước, bao gồm cả đông dược lẫn tân dược. Không những thế, Công ty phải cạnh tranh với các cơ sở sản xuất đông dược, thô sơ, nhỏ lẻ có giá thành sản phẩm thấp hơn nhiều. Sự cạnh tranh tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Thị trường nước ngoài: các rào cản kỹ thuật của các thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ, một số nước Châu Á gây ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch xuất khẩu của Công ty vào các thị trường này. Chi phí vận chuyển, chi phí giao nhận ngày một tăng cao, thủ tục xuất nhập khẩu còn rườm rà và nhiều rào cản đã làm ảnh hưởng đến việc cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam nói chung và OPC nói riêng.

## RỦI RO HÀNG NHÁI, HÀNG KÉM PHẨM CHẤT

Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động của Công ty, tình trạng hàng nhái, hàng kém phẩm chất, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đang có xu hướng gia tăng. Tình trạng này nếu không được ngăn chặn sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và thương hiệu cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của OPC.

## CÁC RỦI RO ĐẶC THÙ VỀ SẢN PHẨM, VỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

Thuốc là một loại hàng hóa đặc biệt, để cho ra đời một sản phẩm thuốc đạt chất lượng (hiệu quả, an toàn), đòi hỏi Công ty đầu tư lượng chất xám và chi phí khá lớn. Các nguyên vật liệu liên quan đến việc sản xuất thuốc phải đạt những tiêu chuẩn quy định, điều kiện sản xuất thuốc phải đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, thuốc phải được thử nghiệm lâm sàng trước khi được cấp Số đăng ký lưu hành. Đây là một quá trình dài, phức tạp và tốn kém. Trong khi đó giá bán thuốc phải chịu sự kiểm soát của ngành, chưa có ưu đãi đặc biệt cho những doanh nghiệp đầu tư công nghệ, chất xám. Hơn nữa, hoạt động quảng bá giới thiệu thuốc bị kiểm soát chặt chẽ, cho nên tốc độ xâm nhập thị trường bị hạn chế.

Điều kiện kiểm nghiệm đối chứng có thể khác nhau giữa các quốc gia. Thông tin về dây chuyền công nghệ, các kỹ thuật về theo dõi độ ổn định, kỹ thuật và thiết bị kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu hoặc giới hạn nồng độ các chất không cho phép theo quy ước quốc tế có thể gây ra một số rủi ro về chất lượng sản phẩm.

Tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và việc đáp ứng kịp thời nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng cũng tạo ra sức ép, đòi hỏi Công ty phải thay đổi về chất lượng, mẫu mã, đầu tư đổi mới trang thiết bị sản xuất, cải tiến kỹ thuật và nâng cao tay nghề lao động để đảm bảo khả năng cạnh tranh của Công ty.





### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

Dự kiến trình ĐHCĐ thông qua các chỉ tiêu năm 2019 như sau:

- » Doanh thu: 875 tỷ đồng.
- » LNTT: 120 tỷ đồng.
- » Cổ tức: 20%.

### CÁC LĨNH VỰC TRỌNG TÂM KHÁC

Giữ vững thị phần & mở rộng thị trường, phát triển đồng bộ thị trường OTC và thị trường ETC, tăng sản lượng các mặt hàng chủ lực và có tiềm năng.

Đẩy mạnh việc phát triển lĩnh vực sản xuất, chế biến và mở rộng mạng lưới phân phối thuốc phiến cung cấp cho thị trường khối điều trị, các bệnh viện, phòng chẩn trị, phòng khám đông Y,...

Đầu tư phát triển khoa học công nghệ và giải pháp trong nghiên cứu sản xuất, ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào... nhằm đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, tăng sản lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Tiếp tục triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Duy trì hệ thống tiêu chuẩn GPs.



Năm 2018 với những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói chung và Ngành dược Việt Nam nói riêng, Công ty CP Dược phẩm OPC bằng sự nỗ lực của mình đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã giao phó; Khẳng định vị thế thương hiệu trong ngành dược, phát triển thị phần, giữ vững tốc độ phát triển ổn định.

Với những thành quả đạt được trong năm qua, Công ty CP Dược phẩm OPC trân trọng gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng, Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Quý ban ngành đoàn thể cùng toàn thể CBCNV đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ để Công ty hoàn thành nhiệm vụ đã đề ra.

Tiếp tục phát huy truyền thống đó, chúng tôi tin tưởng rằng Quý vị sẽ tiếp tục giúp đỡ, ủng hộ chúng tôi trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với cùng khẩu hiệu hành động:

**“OPC – Nỗ lực cống hiến, sáng tạo thành công”**

Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc, thịnh vượng & thành đạt.



Trích lục từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ tài chính  
Kết thúc ngày 31/12/2018, được kiểm toán bởi  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Điềm	Thành viên
Ông Trương Đức Vọng	Thành viên
Ông Ngô Tân Long	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Trưởng ban
Ông Lê Vũ Thuật	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tấn	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**  
1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Chí Linh**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 26 tháng 3 năm 2019*

12500-6  
HI NHÁI  
CÔNG T  
H NHIỆM P  
ELOIT  
IỆT N  
- TP. HỒ

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Minh Thao**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1902-2018-001-1  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH  
DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 26 tháng 3 năm 2019  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Nguyễn Thị Thanh Huyền**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3026-2019-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>692.766.199.851</b>	<b>603.344.990.064</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>92.511.870.590</b>	<b>125.589.512.610</b>
1. Tiền	111		92.511.870.590	58.562.904.020
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	67.026.608.590
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.068.954.572</b>	<b>68.954.572</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		68.954.572	68.954.572
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	3.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>152.451.701.381</b>	<b>156.375.334.855</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	160.305.714.690	157.918.527.673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.653.990.649	12.664.360.345
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7a	5.051.820.467	5.343.727.962
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(22.559.824.425)	(19.551.281.125)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>435.878.567.196</b>	<b>313.876.983.352</b>
1. Hàng tồn kho	141		438.345.870.719	315.713.483.238
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.467.303.523)	(1.836.499.886)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.855.106.112</b>	<b>7.434.204.675</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.738.366.511	3.023.709.383
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.587.783.910	4.118.151.881
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10a	528.955.691	292.343.411
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>496.627.608.145</b>	<b>459.287.729.936</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.771.660.200</b>	<b>3.771.660.200</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7b	5.514.545.683	5.762.273.847
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.742.885.483)	(1.990.613.647)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>253.226.364.586</b>	<b>210.497.399.343</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	173.781.426.460	175.504.004.107
- Nguyên giá	222		475.311.416.830	465.735.330.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(301.529.990.370)	(290.231.326.059)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	79.444.938.126	34.993.395.236
- Nguyên giá	228		83.921.172.931	38.281.603.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.476.234.805)	(3.288.208.566)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>160.622.501.912</b>	<b>160.622.501.912</b>
- Nguyên giá	231		160.622.501.912	160.622.501.912
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>30.613.675.807</b>	<b>56.938.650.999</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		30.613.675.807	56.938.650.999
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>24.676.475.700</b>	<b>24.023.956.271</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	13.416.475.700	12.763.956.271
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	11.260.000.000	11.260.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.716.929.940</b>	<b>3.433.561.211</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	21.581.480.949	1.090.944.448
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	2.135.448.991	2.342.616.763
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.189.393.807.996</b>	<b>1.062.632.720.000</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>563.377.699.129</b>	<b>491.660.907.600</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>557.406.335.183</b>	<b>485.472.535.621</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	86.937.589.737	55.402.202.832
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	209.709.790.869	52.729.099.083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10b	15.221.960.129	10.624.299.320
4. Phải trả người lao động	314		80.307.626.310	64.517.100.650
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.312.734.609	9.817.695.335
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.015.200.000	5.534.250.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	30.239.896.391	27.428.376.217
8. Vay ngắn hạn	320	23	105.856.350.728	239.974.313.222
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	23.805.186.410	19.445.198.962
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.971.363.946</b>	<b>6.188.371.979</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		60.000.000	60.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.573.789.875	4.636.371.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.337.574.071	1.492.000.979
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>626.016.108.867</b>	<b>570.971.812.400</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>626.016.108.867</b>	<b>570.971.812.400</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		265.772.800.000	253.116.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.772.800.000	253.116.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.680.700.783	10.392.780.783
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		194.356.152.797	180.129.188.572
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.425.296.200	60.182.086.833
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		59.741.346.287	45.395.679.503
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.683.949.913	14.786.407.330
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		67.781.159.087	67.150.796.212
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.189.393.807.996</b>	<b>1.062.632.720.000</b>

*ba*

*PN*



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018*

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.005.113.833.760	947.044.417.732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.636.193.738	2.194.409.304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	1.002.477.640.022	944.850.008.428
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	29	571.410.793.173	540.841.533.141
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		431.066.846.849	404.008.475.287
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	4.315.754.815	6.096.510.719
7. Chi phí tài chính	22	31	12.621.892.806	10.601.159.230
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.647.951.804</i>	<i>4.056.441.810</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.416.475.700	763.956.271
9. Chi phí bán hàng	25	32	208.467.103.453	192.546.674.673
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	99.939.711.623	94.554.048.208
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		115.770.369.482	113.167.060.166
12. Thu nhập khác	31		16.300.526.136	697.391.668
13. Chi phí khác	32		1.824.852.717	480.586.199
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	34	14.475.673.419	216.805.469
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		130.246.042.901	113.383.865.635
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	29.276.802.865	26.994.084.566
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	207.167.772	(1.028.128.102)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>100.762.072.264</b>	<b>87.417.909.171</b>
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		98.144.989.961	86.830.799.330
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.617.082.303	587.109.841
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>36</b>	<b>3.425</b>	<b>3.092</b>

*ball*

*[Signature]*



**Hồ Thị Hải Vân**  
Người lập

**Nguyễn Thế Đề**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Chí Linh**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 3 năm 2019

11250  
CHI NH  
CÔNG  
NHIỆM  
LỢI  
TẾT NA  
TP. HỒ



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>130.246.042.901</b>	<b>113.383.865.635</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	22.951.905.720	29.440.536.926
Các khoản dự phòng	03	3.391.618.773	8.356.568.785
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	26.027.506	1.374.061
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.444.269.087)	(6.938.898.483)
Chi phí lãi vay	06	5.647.951.804	4.056.441.810
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>142.819.277.617</b>	<b>148.299.888.734</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.090.365.980)	(38.281.552.705)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(122.662.762.481)	(35.766.764.601)
Thay đổi các khoản phải trả	11	40.025.269.691	69.988.371.544
Thay đổi chi phí trả trước	12	(19.205.193.629)	(3.358.209.041)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.457.987.574)	(3.665.726.269)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.520.321.421)	(26.389.096.435)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.365.934.541)	(7.205.976.984)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.541.981.682</b>	<b>103.620.934.243</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(42.138.150.559)	(238.624.589.502)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	17.074.080.000	155.000.000
3. Tiền (chi)/ thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	(3.000.000.000)	26.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(6.350.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.754.395.967	6.672.561.776
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(23.309.674.592)</b>	<b>(212.147.027.726)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	18.983.760.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	420.800.990.265	342.334.111.501
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(397.277.802.819)	(154.125.105.833)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(53.689.268.050)	(51.630.117.830)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.182.320.604)</b>	<b>136.578.887.838</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(32.950.013.514)</b>	<b>28.052.794.355</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>125.589.512.610</b>	<b>97.534.723.897</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(127.628.506)	1.994.358
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>92.511.870.590</b>	<b>125.589.512.610</b>

*ball*

*[Signature]*



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty bao gồm Công ty mẹ và các Công ty con, cụ thể như sau:

**Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y tế có Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 102652 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty mẹ đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hiện Công ty mẹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 14 số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là “OPC”.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Nhà máy của Công ty mẹ đặt tại số 09/ĐX 04 - TH, Tổ 7, Ấp Tân Hoà, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.063 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.052 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các Công ty con, liên doanh, công ty liên kết và các chi nhánh phụ thuộc như sau:



**Công ty con:**

<b>Tên công ty</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ</b>
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương (“OPC BD”)	Trồng cây dược liệu, sản xuất thực phẩm chức năng, rượu mạnh, mỹ phẩm, hóa dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.	Số 4604000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 04 Số 3700806295 cấp ngày 29 tháng 7 năm 2014. Vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng.	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 (“Dược TW25”)	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, sản xuất và mua bán mỹ phẩm, sản xuất đồ uống và nước khoáng, sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, mua bán máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn.	Số 4103007041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 16 số 0300468511 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2018. Vốn điều lệ là 132.946.410.000 đồng.	58,14%

**Hợp đồng hợp tác liên doanh:**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiên - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc.

**Công ty liên kết:**

- Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (“OPC Bắc Giang”).

**Chi nhánh phụ thuộc:**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC - Cửa hàng Giới thiệu và Kinh doanh Dược phẩm
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Hà Nội
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nghệ An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Miền Đông - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 5 quý.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

002  
NH  
Y  
PHU H  
TE  
AM  
5C

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 08

### **Thuê hoạt động**

#### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### *Công ty là bên đi thuê*

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn, phần mềm máy tính và chi phí thiết kế và xây dựng trang mạng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính và chi phí thiết kế và xây dựng trang mạng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.



### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ, chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí đầu tư thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí trả trước liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng thân thiết. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

### **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Quỹ lương**

Quỹ lương được tạm trích hàng tháng theo tỷ lệ phần trăm doanh thu và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt hàng năm. Quỹ lương thực tế không được vượt theo tỷ lệ phần trăm doanh thu đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng năm.

### **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên và trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân trung bình sáu tháng gần nhất theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	22.105.459.335	3.043.999.134
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.406.411.255	53.268.904.886
Tiền đang chuyển	-	2.250.000.000
Các khoản tương đương tiền	32.000.000.000	67.026.608.590
	<b>92.511.870.590</b>	<b>125.589.512.610</b>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 4,6% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5% đến 5,5%/năm).

#### **5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn 6 tháng hưởng lãi suất hàng năm 5,1%/năm.

#### **6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, không có các khoản phải thu của bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng.



**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên	796.258.519	761.263.459
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	190.722.356	389.222.399
Các khoản chi hộ bên liên quan	70.000.000	200.000.000
Phải thu tiền thuê đất của Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	3.601.800.798	3.601.800.798
Phải thu khác	393.038.794	391.441.306
	<b>5.051.820.467</b>	<b>5.343.727.962</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	135.563.600	135.563.600
Phải thu khác (ii)	250.000.000	250.000.000
Phải thu nhân viên (iii)	1.492.885.483	1.740.613.647
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long (i)	3.636.096.600	3.636.096.600
	<b>5.514.545.683</b>	<b>5.762.273.847</b>

(i) Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long thể hiện giá trị căn nhà Dược TW 25 góp vào hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 2 năm 2005 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long để xây dựng Cao ốc Master tọa lạc tại 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiên – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (“Kiên Kiên”) ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn. Công ty đánh giá khoản phải thu này khó có khả năng thu hồi và đã trích lập dự phòng toàn bộ số phải thu này.

(iii) Phải thu nhân viên thể hiện khoản phải thu từ trình dược viên của Công ty đối với khoản công nợ phải thu khách hàng đã thanh toán. Công ty đánh giá khoản phải thu này khó có khả năng thu hồi và đã trích lập dự phòng toàn bộ số phải thu này.

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long	15.996.597.841	14.221.951.755
Công ty TNHH Tân Lộc Xanh	1.330.179.240	1.330.179.240
Đối tượng khác	5.233.047.344	3.999.150.130
	<b>22.559.824.425</b>	<b>19.551.281.125</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	39.493.022.550	-	4.489.253.100	-
Nguyên liệu, vật liệu	224.274.090.382	(2.329.590.606)	161.905.532.861	(1.836.499.886)
Công cụ, dụng cụ	284.752.511	-	209.744.233	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.951.997.620	-	4.898.675.486	-
Thành phẩm	158.219.317.243	(137.712.917)	124.024.888.004	-
Hàng hoá	10.122.690.413	-	20.185.389.554	-
	<b>438.345.870.719</b>	<b>(2.467.303.523)</b>	<b>315.713.483.238</b>	<b>(1.836.499.886)</b>

Trong năm, Công ty đã trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 630.803.637 đồng (năm 2017: 1.805.310.494 đồng).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho nguyên vật liệu và thành phẩm do giá ghi sổ cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải thu/ nộp trong năm VND	Số đã thực thu/ nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	292.343.411	603.269.547	792.773.069	102.839.889
Tiền thuế đất	-	426.115.802	-	426.115.802
	<b>292.343.411</b>	<b>1.029.385.349</b>	<b>792.773.069</b>	<b>528.955.691</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	15.664.859.023	15.121.668.180	543.190.843
Thuế tiêu thụ đặc biệt	20.367.300	176.709.868	195.462.332	1.614.836
Thuế nhập khẩu	-	2.614.801.311	2.614.801.311	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.457.981.597	29.276.802.865	26.520.321.421	12.214.463.041
Thuế thu nhập cá nhân	1.009.208.587	13.054.327.599	12.030.660.259	2.032.875.927
Tiền thuế đất	-	6.059.528.400	6.059.528.400	-
Các loại thuế khác	136.741.836	930.898.445	637.824.799	429.815.482
	<b>10.624.299.320</b>	<b>67.777.927.511</b>	<b>63.180.266.702</b>	<b>15.221.960.129</b>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	247.324.961.152	188.033.618.666	26.490.255.385	3.886.494.963	465.735.330.166
Mua mới	1.864.863.308	2.881.252.000	497.900.000	168.065.273	5.412.080.581
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.431.571.068	2.669.011.532	39.019.545	-	20.139.602.145
Thanh lý, nhượng bán	(9.335.745.303)	(6.251.708.214)	(388.142.545)	-	(15.975.596.062)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>257.285.650.225</b>	<b>187.332.173.984</b>	<b>26.639.032.385</b>	<b>4.054.560.236</b>	<b>475.311.416.830</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	101.859.440.818	164.013.519.161	20.573.429.510	3.784.936.570	290.231.326.059
Khấu hao trong năm	11.310.866.645	8.173.308.504	2.383.466.806	50.664.434	21.918.306.389
Thanh lý, nhượng bán	(3.979.791.319)	(6.251.708.214)	(388.142.545)	-	(10.619.642.078)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>109.190.516.144</b>	<b>165.935.119.451</b>	<b>22.568.753.771</b>	<b>3.835.601.004</b>	<b>301.529.990.370</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm	145.465.520.334	24.020.099.505	5.916.825.875	101.558.393	175.504.004.107
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>148.095.134.081</b>	<b>21.397.054.533</b>	<b>4.070.278.614</b>	<b>218.959.232</b>	<b>173.781.426.460</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị là 184.659.676.066 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 142.222.409.221 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định là nhà xưởng, vật kiến trúc tọa lạc tại số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 38.973.526.501 đồng đang trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển nhượng.

0-002  
 ÁNH  
 TY  
 HỮU H  
 TTE  
 AM  
 Ồ CHỈ

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	36.656.838.802	1.540.865.000	83.900.000	38.281.603.802
Mua mới	441.536.000	-	-	441.536.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	45.198.033.129	-	-	45.198.033.129
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>82.296.407.931</b>	<b>1.540.865.000</b>	<b>83.900.000</b>	<b>83.921.172.931</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	1.852.542.186	1.393.716.372	41.950.008	3.288.208.566
Khấu hao trong năm	1.012.910.939	147.148.628	27.966.672	1.188.026.239
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.865.453.125</b>	<b>1.540.865.000</b>	<b>69.916.680</b>	<b>4.476.234.805</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	<b>34.804.296.616</b>	<b>147.148.628</b>	<b>41.949.992</b>	<b>34.993.395.236</b>
Số dư cuối năm	<b>79.430.954.806</b>	<b>-</b>	<b>13.983.320</b>	<b>79.444.938.126</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị là 1.540.865.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 541.365.000 đồng).

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất thuê tọa lạc tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đang trong quá trình chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (Xem Thuyết minh số 20).

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư mua máy mới cho xưởng sản xuất	2.355.469.163	2.603.552.420
Đầu tư mở rộng chi nhánh	-	15.391.185.548
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mở rộng nhà máy	-	22.215.973.031
Chi phí xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Bình (i)	20.870.470.098	14.206.140.000
Chi phí xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung (ii)	7.387.736.546	-
Chi phí xây dựng dở dang khác	-	2.521.800.000
	<b>30.613.675.807</b>	<b>56.938.650.999</b>

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Khu Công nghiệp Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thể hiện giá trị thanh toán đợt một và đợt hai cho quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan nhằm xây dựng nhà máy Dược TW25. Tại ngày 07 tháng 01 năm 2019, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho Công ty TNHH Vina Good Property.
- (ii) Chi phí xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện các chi phí liên quan đến khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thẩm định, thiết kế nhằm mục đích xây dựng nhà máy Dược TW25 tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.



**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	40	40	Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng

OPC Bắc Giang được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2400498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp. Giấy Chứng nhận này được thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 08 tháng 9 năm 2017 với số vốn điều lệ đăng ký là 30.000.000.000 đồng. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của OPC Bắc Giang.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào công ty liên kết	12.000.000.000	12.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	1.416.475.700	763.956.271
<b>Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>13.416.475.700</b>	<b>12.763.956.271</b>
Tổng tài sản của công ty liên kết	48.437.314.028	45.323.565.844
Tổng công nợ của công ty liên kết	14.896.124.778	13.413.675.166
Tài sản thuần của công ty liên kết	33.541.189.250	31.909.890.678
<b>Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết (bằng 40% của tài sản thuần công ty liên kết)</b>	<b>13.416.475.700</b>	<b>12.763.956.271</b>
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	3.541.189.250	1.909.890.678
<b>Lợi nhuận thuần của Công ty từ khoản đầu tư vào công ty liên kết (bằng 40% của tài sản thuần công ty liên kết)</b>	<b>1.416.475.700</b>	<b>763.956.271</b>

**16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	4.070.000.000	4.070.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	2.750.000.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	1.950.000.000	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	1.140.000.000	1.140.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	100.000.000	100.000.000
	<b>11.260.000.000</b>	<b>11.260.000.000</b>

Không có khoản dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ	124.524.449	26.944.448
Chi phí thuê gian hàng	931.000.000	1.064.000.000
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (i)	20.525.956.500	-
	<b>21.581.480.949</b>	<b>1.090.944.448</b>

(i) Tiền thuê cơ sở hạ tầng thể hiện khoản tiền thanh toán trả trước về thuê cơ sở hạ tầng tại Lô B5-4, Khu B5, đường D2, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30.866 m<sup>2</sup> theo Hợp đồng thuê đất số 109/HĐTD/SCD-2018 ngày 12 tháng 10 năm 2018 đã ký kết giữa Dược TW25 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) cho mục đích xây dựng nhà máy Dược TW25. Thời hạn thuê được tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng (ngày 10 tháng 01 năm 2019) đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2054.

**18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận với sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.135.448.991	2.342.703.716
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(86.953)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>2.135.448.991</b>	<b>2.342.616.763</b>

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
OPC Bắc Giang - Bên liên quan	2.048.957.000	13.140.585.100
Jiangsu Dahua Pharmaceutical Co.,Ltd	26.108.784.000	-
Jiangxi Spice Chemical Industrial Co.,Ltd	13.054.392.000	-
Phải trả cho các đối tượng khác	45.725.456.737	42.261.617.732
	<b>86.937.589.737</b>	<b>55.402.202.832</b>

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.



**20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (i)	178.082.838.961	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt (ii)	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Kinh doanh An Phát (ii)	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Tân Hiệp Lợi	-	19.090.909.091
Công ty Cổ phần Môi trường Công Ích Miền Nam (iii)	26.250.000.000	11.250.000.000
Khác	376.951.908	388.189.992
	<b><u>209.709.790.869</u></b>	<b><u>52.729.099.083</u></b>

- (i) Ngày 01 tháng 8 năm 2017, Dược TW25 ký hợp đồng vay số 85/TW25/HĐ với Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh. Ngày 12 tháng 9 năm 2017, hai bên ký tiếp Phụ lục hợp đồng số 01 với số tiền cho vay là 157.829.845.431 đồng. Khoản vay này được cấp nhằm mục đích thanh toán tiền thuê đất một lần cho khu đất tại thửa đất số 45, tọa lạc tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (“Thửa đất tại 120 Hai Bà Trưng”) và có hiệu lực vô thời hạn đến khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tài sản nêu trên. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Thửa đất tại 120 Hai Bà Trưng và chịu lãi suất vay là 7%/năm. Ngày 02 tháng 01 năm 2018, hai bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Thửa đất tại 120 Hai Bà Trưng với tổng giá trị chuyển nhượng là 178.082.838.961 đồng. Theo đó, toàn bộ số tiền vay và chi phí lãi vay phải trả lần lượt là 157.829.845.431 đồng và 3.252.993.530 đồng được dùng để thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 27 tháng 8 năm 2018, Dược TW25 đã ký kết với Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh hợp đồng hợp tác, đầu tư và chuyển giao bất động sản số 58/TW25-INDECO và sau đó, ngày 11 tháng 9 năm 2018, hai bên đã ký kết hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC) số 59/TW25-INDECO cho dự án xây dựng cao ốc văn phòng trên Thửa đất tại 120 Hai Bà Trưng. Mọi công việc, thủ tục, chi phí liên quan đến xây dựng và hoàn thành cao ốc sẽ do Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh thực hiện và chịu mọi chi phí. Sau khi cao ốc văn phòng được xây dựng xong và hoàn tất các thủ tục pháp lý, Dược TW25 sẽ chuyển nhượng khu đất này và cao ốc văn phòng cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh.
- (ii) Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và quyền thuê đất số 18/2017/HĐCN/TW25-HLV giữa Dược TW25 và Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt ký ngày 31 tháng 3 năm 2017, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 02 năm 2005 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Long và quyền thuê khu đất số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt. Giá chuyển nhượng quyền khai thác đối với khu đất phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HĐ/XN25 là 5 tỷ đồng. Ngày 21 tháng 11 năm 2018, Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt đã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HĐ/XN25 cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát theo Thỏa thuận ký kết số 19/2018-BBTT và Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và quyền thuê đất số 20/2018/HĐCN/TW25 - AP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.
- (iii) Đây là tiền đặt cọc theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê và quyền khai thác và phát triển dự án khu đất tọa lạc tại số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng chuyển nhượng số 68/2017 HĐCN/SPEC/TW-25 ký giữa Dược TW25 và Công ty Cổ phần Môi trường Công Ích Miền Nam có tổng giá trị hợp đồng là 75 tỷ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, thủ tục chuyển nhượng vẫn chưa được hoàn tất.

2500.  
 NH  
 ONG  
 NHIEM  
 LOI  
 IET  
 - TP.1



**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí nhượng quyền	840.184.441	783.298.325
Chi phí điện sản xuất	189.916.800	220.716.300
Chi phí nghiên cứu	605.059.711	575.311.072
Chi phí lãi vay	238.665.778	3.301.695.078
Khác	438.907.879	4.936.674.560
	<b>2.312.734.609</b>	<b>9.817.695.335</b>

**22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	364.009.620	1.034.809.402
Bảo hiểm xã hội	71.610.620	3.804.958
Cổ tức	27.223.555.449	25.851.260.000
Phải trả khác	2.580.720.702	538.501.857
	<b>30.239.896.391</b>	<b>27.428.376.217</b>

**23. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1, Thành phố Hồ Chí Minh	46.902.274.339	23.125.793.117		70.028.067.456		-
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	28.026.993.262	57.635.541.805		85.662.535.067		-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	7.215.200.190	79.021.465.078		74.400.120.974	11.836.544.294	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Tây Sài Gòn (ii)	-	167.797.105.473		128.333.314.039	39.463.791.434	
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	-	38.857.253.233		38.857.253.233		-
Ngân hàng Shinhan - Chi nhánh Singapore (iii)	-	54.656.780.000		100.765.000	54.556.015.000	
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (xem Thuyết minh số 20)	157.829.845.431	-		157.829.845.431		-
	<b>239.974.313.222</b>	<b>421.093.938.706</b>		<b>555.211.901.200</b>	<b>105.856.350.728</b>	

(i) Số dư vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietcombank Hồ Chí Minh”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện:

- Khoản vay được ký kết theo hợp đồng tín dụng số 0080/1838/N-CTD ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa Dược TW25 và Vietcombank Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 05 tháng 7 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất áp dụng theo lãi suất xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

- Khoản vay được ký kết theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0020/1838/C-CTD ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa OPC Bình Dương và Vietcombank Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng theo bảo lãnh của Công ty mẹ. Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng là 60 tháng. Lãi suất và thời hạn cho vay theo từng Giấy nhận nợ.

(ii) Ngày 27 tháng 4 năm 2018, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/93680/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) - Chi nhánh Tây Sài Gòn với hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 27 tháng 4 năm 2019. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể do Ngân hàng xác định và không có tài sản đảm bảo.

(iii) Ngày 04 tháng 5 năm 2018, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/HĐTD/OPC/201804 với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 04 tháng 5 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất theo năm do ngân hàng xác định và không có tài sản đảm bảo. Ngày 13 tháng 12 năm 2018 và ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty lần lượt có các khoản vay 847.000 Đô la Mỹ và 1.500.000 Đô la Mỹ tại Ngân hàng Shinhan - Chi nhánh Singapore. Khoản vay có thời hạn 6 tháng và chịu lãi suất Libor 3 tháng + 0.85%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng thư tín dụng dự phòng do Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam cấp.

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### 24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	19.445.198.962	17.046.355.884
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại	9.821.561.449	8.568.400.000
Tăng do mua công ty con	-	492.796.358
Sử dụng quỹ	(5.461.574.001)	(6.662.353.280)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.805.186.410</b>	<b>19.445.198.962</b>

#### 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành (Cổ phần)	26.577.280	25.311.696
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ (Cổ phần)	26.577.280	25.311.696
Mệnh giá cổ phần (đồng)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phần	%	Cổ phần	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	3.562.650	13,40	3.562.650	14,08
Cổ đông khác	23.014.630	86,60	21.749.046	85,92
	<b>26.577.280</b>	<b>100</b>	<b>25.311.696</b>	<b>100</b>

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	253.116.960.000	10.392.780.783	167.112.559.755	45.606.782.707	68.122.336.542	544.351.419.787
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	86.830.799.330	587.109.841	87.417.909.171
Phân phối quỹ (Công ty mẹ)	-	-	12.601.801.000	(12.601.801.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Công ty mẹ)	-	-	-	(8.401.201.000)	-	(8.401.201.000)
Phân phối quỹ (Công ty con)	-	-	414.827.817	(346.165.354)	(68.662.463)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Công ty con)	-	-	-	(282.935.850)	(377.059.508)	(659.995.358)
Chia cổ tức năm 2016 (Dựợc TW 25)	-	-	-	-	(1.112.928.200)	(1.112.928.200)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2017	-	-	-	(25.311.696.000)	-	(25.311.696.000)
Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2017	-	-	-	(25.311.696.000)	-	(25.311.696.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>253.116.960.000</b>	<b>10.392.780.783</b>	<b>180.129.188.572</b>	<b>60.182.086.833</b>	<b>67.150.796.212</b>	<b>570.971.812.400</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	98.144.989.961	2.617.082.303	100.762.072.264
Tăng vốn trong năm	12.655.840.000	6.327.920.000	-	-	-	18.983.760.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(40.000.000)	-	-	-	(40.000.000)
Phân phối quỹ (Công ty mẹ)	-	-	13.713.358.000	(13.713.358.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ	-	-	-	(9.142.238.000)	-	(9.142.238.000)
Phân phối quỹ Công ty con	-	-	513.606.225	(407.830.516)	(105.775.709)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty con	-	-	-	(467.772.030)	(211.551.419)	(679.323.449)
Chia lãi hợp tác kinh doanh trong năm	-	-	-	(16.022.048)	-	(16.022.048)
Chia cổ tức năm 2017 (Dựợc TW 25)	-	-	-	-	(1.669.392.300)	(1.669.392.300)
Chi cổ tức đợt 1 năm 2018	-	-	-	(26.577.280.000)	-	(26.577.280.000)
Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2018	-	-	-	(26.577.280.000)	-	(26.577.280.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>265.772.800.000</b>	<b>16.680.700.783</b>	<b>194.356.152.797</b>	<b>81.425.296.200</b>	<b>67.781.159.087</b>	<b>626.016.108.867</b>

Theo Nghị quyết số 362/NQ - ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Công ty mẹ năm 2018, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt việc phát hành thêm 1.265.584 cổ phần cho người lao động của Công ty mẹ theo Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn người lao động trong Công ty mẹ (gọi tắt là "ESOP"). Phương án phát hành này đã được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Công văn số 4166/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 7 năm 2018.

Tại ngày 26 tháng 7 năm 2018, Công ty mẹ đã hoàn tất việc phát hành 1.265.584 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP với giá bán là 15.000 đồng/cổ phần. Theo đó, tổng số tiền Công ty mẹ đã thu được là 18.983.760.000 đồng và được Công ty mẹ ghi nhận vào vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần với số tiền lần lượt là 12.655.840.000 đồng và 6.327.920.000 đồng. Các cổ phiếu phát hành thêm được niêm yết bổ sung chính thức vào ngày 15 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định số 308/QĐ-SGDHCM ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Cũng theo Nghị quyết số 362/NQ - ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2018, Công ty mẹ và OPC Bình Dương đã trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ là 15% và 10% lợi nhuận sau thuế sau khi đã chia lãi hợp tác kinh doanh và loại trừ lãi nội bộ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được thông qua; đồng thời, Công ty mẹ đã tạm trích cổ tức năm 2018 bằng 20% mệnh giá cổ phiếu. Theo Nghị quyết số 1089/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 với số tiền là 26.577.280.000 đồng tương đương 10% mệnh giá cổ phiếu. Mức phân phối quỹ và chia cổ tức cuối cùng sẽ được các cổ đông của Công ty mẹ phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Công ty mẹ năm 2019.

Theo Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ-TW25 được Đại hội đồng Cổ đông Thường niên thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2018, Dược TW 25 đã thực hiện trích Quỹ Đầu tư và Phát triển với số tiền 252.689.225 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 505.378.449 đồng và công bố chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 3.988.392.300 đồng (trong đó cổ tức cho Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là 1.669.392.300 đồng) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Dược TW25 đã thực hiện chi trả số cổ tức công bố trong năm.

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	568.171	35.307

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**28. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	977.333.582.833	928.051.880.760
Doanh thu bán nguyên vật liệu	27.328.113.302	16.616.241.357
Doanh thu cung cấp dịch vụ	452.137.625	2.376.295.615
	<b>1.005.113.833.760</b>	<b>947.044.417.732</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	2.636.193.738	2.194.409.304
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.002.477.640.022</b>	<b>944.850.008.428</b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	518.638.887.631	480.102.804.811
Giá vốn hàng khuyến mãi	25.655.969.434	46.600.675.039
Giá vốn bán nguyên vật liệu	26.934.117.925	13.165.594.803
Giá vốn dịch vụ	181.818.183	972.458.488
	<b>571.410.793.173</b>	<b>540.841.533.141</b>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	3.393.862.560	4.763.535.012
Cổ tức được chia	549.895.720	991.963.000
Lãi cho vay	-	264.444.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	360.110.285	76.568.507
Chiết khấu thanh toán nhận được	11.896.250	-
	<b>4.315.754.815</b>	<b>6.096.510.719</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	5.647.951.804	4.056.441.810
Chiết khấu thanh toán	6.439.287.199	6.343.168.384
Lỗ chênh lệch tỷ giá	534.653.803	201.549.036
	<b>12.621.892.806</b>	<b>10.601.159.230</b>

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	144.730.440.076	136.687.432.810
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	19.764.381.417	16.590.186.290
Các chi phí khác	43.972.281.960	39.269.055.573
	<b>208.467.103.453</b>	<b>192.546.674.673</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	47.928.188.791	39.789.611.171
Chi phí dự phòng	21.508.543.300	20.736.457.270
Các chi phí khác	30.502.979.532	34.027.979.767
	<b>99.939.711.623</b>	<b>94.554.048.208</b>

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	489.412.397.853	434.491.046.920
Chi phí nhân công	251.203.253.412	227.645.097.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.951.905.720	29.440.536.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.169.665.939	43.868.883.830
Chi phí bằng tiền khác	80.375.428.644	70.986.638.788
	<b>895.112.651.568</b>	<b>806.432.203.876</b>

**34. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	14.084.035.107	155.000.000
Thu nhập từ cho thuê đất	392.727.264	368.181.816
Thu nhập khác	1.823.763.765	174.209.852
<b>Thu nhập khác</b>	<b>16.300.526.136</b>	<b>697.391.668</b>
Tiền phạt và truy thu thuế	1.824.266.296	-
Chi phí khác	586.421	480.586.199
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.824.852.717</b>	<b>480.586.199</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>14.475.673.419</b>	<b>216.805.469</b>

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	27.713.449.857	25.725.640.032
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập năm hiện hành	1.563.353.008	1.268.444.534
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>29.276.802.865</b>	<b>26.994.084.566</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	433.935.238	16.122.800
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(226.767.466)	(1.043.685.252)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(565.650)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>207.167.772</b>	<b>(1.028.128.102)</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	130.246.042.901	113.383.865.635
<b>Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không tính thuế	7.724.917.876	4.514.617.356
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	16.046.124.256	19.758.951.879
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	138.567.249.281	128.628.200.158
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	27.713.449.857	25.725.640.032
Bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	1.563.353.008	1.268.444.534
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>29.276.802.865</b>	<b>26.994.084.566</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế (năm 2017: 20%). Cơ quan thuế đã kiểm tra thuế của Công ty mẹ và các công ty con đến hết năm 2016.

### 36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100.762.072.264	87.417.909.171
<i>Trong đó:</i>		
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông	98.144.989.961	86.830.799.330
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.814.498.996	8.568.400.000
- Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	88.330.490.965	78.262.399.330
Số lượng cổ phiếu	25.793.658	25.311.696
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.425</b>	<b>3.092</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu hàng năm được tính từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tương ứng sau khi loại trừ số liệu ước tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số liệu dùng để tạm tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi này là lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tương ứng nhân với tỷ lệ 10% theo như quy định tại Điều lệ của Công ty mẹ. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm tài chính.



**37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	4.932.709.575	5.075.477.006

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.033.686.061	3.639.578.080
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.980.611.838	6.197.001.596
Sau năm năm	4.599.936.000	4.913.568.000
	<b>10.614.233.899</b>	<b>14.750.147.676</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho các lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh sau:

<b>Lô đất</b>	<b>Thời hạn thuê đất hạn</b>
1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6	01/01/2021
65-67 Phùng Hưng, Phường 13, Quận 5	01/01/2046
448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4	04/03/2019
57 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1	31/12/2019
336/20B Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6	Hàng năm
41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3 (i)	01/01/2046

(i) Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và quyền thuê đất số 18/2017/HĐCN/TW25-HLV giữa Dược TW25 và Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt (Thuyết minh số 20), Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho nhà nước theo Thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2017. Tại thời điểm báo cáo, khoản cam kết thuê hoạt động trên không bao gồm khoản tiền thuê đất tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

117250  
 CHI NI  
 CÔNG  
 CH NHIỆ  
 JELO  
 VIỆT  
 TP.



	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.511.870.590	125.589.512.610
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.068.954.572	68.954.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	145.773.112.413	146.721.371.251
	<b>241.353.937.575</b>	<b>272.379.838.433</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	105.856.350.728	239.974.313.222
Phải trả người bán và phải trả khác	116.801.865.888	87.386.214.689
Chi phí phải trả	2.312.734.609	9.817.695.335
	<b>224.970.951.225</b>	<b>337.178.223.246</b>
<b>Các loại công cụ tài chính</b>		

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán vì Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa và giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

#### **Quản lý rủi ro tỷ giá**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	13.156.004.534	2.422.823.884	94.137.368.550	5.869.444.933

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng với số tiền tương ứng là 2.429.440.920 đồng (năm 2017: 172.331.052 đồng).

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro tín dụng chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ngoại trừ các khoản phải thu đã lập dự phòng, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau. Đối với tiền gửi ngân hàng, Công ty quản lý rủi ro tín dụng này bằng cách chỉ giao dịch với các ngân hàng có hệ số tín dụng cao hoặc có danh tiếng.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



<b>Số cuối năm</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.511.870.590	-	92.511.870.590
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.068.954.572	-	3.068.954.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.001.452.213	3.771.660.200	145.773.112.413
	<b>237.582.277.375</b>	<b>3.771.660.200</b>	<b>241.353.937.575</b>
Các khoản vay	105.856.350.728	-	105.856.350.728
Phải trả người bán và phải trả khác	116.741.865.888	60.000.000	116.801.865.888
Chi phí phải trả	2.312.734.609	-	2.312.734.609
	<b>224.910.951.225</b>	<b>60.000.000</b>	<b>224.970.951.225</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>12.671.326.150</b>	<b>3.711.660.200</b>	<b>16.382.986.350</b>

<b>Số đầu năm</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	125.589.512.610	-	125.589.512.610
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.954.572	-	68.954.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.949.711.051	3.771.660.200	146.721.371.251
	<b>268.608.178.233</b>	<b>3.771.660.200</b>	<b>272.379.838.433</b>
Các khoản vay	239.974.313.222	-	239.974.313.222
Phải trả người bán và phải trả khác	87.326.214.689	60.000.000	87.386.214.689
Chi phí phải trả	9.817.695.335	-	9.817.695.335
	<b>337.118.223.246</b>	<b>60.000.000</b>	<b>337.178.223.246</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(68.510.045.013)</b>	<b>3.711.660.200</b>	<b>(64.798.384.813)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức vừa phải. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### 39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau đây với OPC Bắc Giang - Công ty liên kết:

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Mua nguyên vật liệu	61.109.834.500	67.696.972.200
Doanh thu từ cho vay	-	264.444.200
Lợi nhuận được chia	763.956.271	827.744.252
Nhập khẩu ủy thác	-	943.841.970
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	13.310.723

Số dư với OPC Bắc Giang tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc đã chi trả trong năm như sau:

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	17.289.156.580	17.424.401.693

**40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi trả lãi vay không bao gồm 3.252.993.530 đồng, là số lãi vay phải trả đã chuyển sang ứng trước từ khách hàng để thực hiện hợp đồng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.808.950.343 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 124.458.000 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Đồng thời, tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm số tiền 5.230.975.462 đồng (năm 2017: 6.274.609.223 đồng) là số tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.

Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 17.355.371.901 đồng đã nhận ứng trước từ khách hàng năm trước và số tiền chưa thu được là 1.735.537.190 đồng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.

Tiền chi trả nợ gốc vay trong năm và tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định không bao gồm 157.829.845.431 đồng, là số nợ vay đã chuyển sang ứng trước từ khách hàng để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 26.834.874.449 đồng là cổ tức tạm trích đợt 2 năm 2018 và số tiền 388.681.000 đồng là cổ tức các năm trước mà cổ đông chưa nhận tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 25.851.260.000 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu thay đổi các khoản phải trả.

**41. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
<b>Bảng kết quả hoạt động kinh doanh năm trước</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	963.929.257.510	(16.884.839.778)	947.044.417.732
Giá vốn hàng bán	11	555.630.752.620	(14.789.219.479)	540.841.533.141
Chi phí bán hàng	25	194.642.294.972	(2.095.620.299)	192.546.674.673
<b>Bảng cân đối kế toán số đầu năm</b>				
Phải thu dài hạn khác	216	2.126.177.247	3.636.096.600	5.762.273.847
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14.896.096.600	(3.636.096.600)	11.260.000.000

*ba*

Hồ Thị Hải Vân  
 Người lập

*pa*

Nguyễn Thế Đề  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019





# OPC PHARMA

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

 1017 Hồng Bàng, P.12, Quận 6, TPHCM

 028.37517111

 [www.opcpharma.com](http://www.opcpharma.com)

